

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN YEAH1
(Tên trước đây là Công ty Cổ phần Tập đoàn Đại Sứ Trẻ)

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2017

030459212-

★ M.S. ★

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN YEAH1
(Tên trước đây là Công ty Cổ phần Tập đoàn Đại Sứ Trẻ)

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2017

NỘI DUNG	TRANG
Thông tin về doanh nghiệp	1
Báo cáo của Chủ tịch Hội đồng Quản trị	2
Báo cáo kiểm toán độc lập	3
Bảng cân đối kế toán hợp nhất (Mẫu số B 01 – DN/HN)	5
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất (Mẫu số B 02 – DN/HN)	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất (Mẫu số B 03 – DN/HN)	9
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (Mẫu số B 09 – DN/HN)	10

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN YEAH1
(Tên trước đây là Công ty Cổ phần Tập đoàn Đại Sứ Trẻ)

THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP

**Giấy chứng nhận
đăng ký doanh nghiệp**

Số 0304592171 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 12 tháng 9 năm 2006 và Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp thay đổi lần thứ 20 ngày 20 tháng 2 năm 2018.

Hội đồng Quản trị (“HĐQT”)

Ông Nguyễn Ảnh Nhượng Tống
Ông Đào Phúc Trí
Ông Hoàng Đức Trung
Ông Don Di Lam

Chủ tịch HĐQT
Thành viên
Thành viên
Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

Ông Đào Phúc Trí
Ông Võ Thái Phong

Tổng Giám đốc
Phó Tổng Giám đốc
Tài chính

**Người đại diện
theo pháp luật**

Ông Nguyễn Ảnh Nhượng Tống
Ông Đào Phúc Trí

Chủ tịch HĐQT
Tổng Giám đốc

Trụ sở chính

Tầng 1, Tòa nhà Mplaza, 39 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé,
Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Kiểm toán viên

Công ty TNHH PwC (Việt Nam)

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN YEAH1
(Tên trước đây là Công ty Cổ phần Tập đoàn Đại Sứ Trẻ)

TRÁCH NHIỆM CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

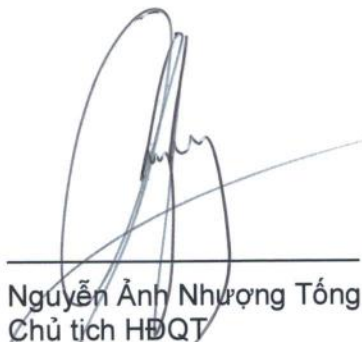
Chủ tịch Hội đồng Quản trị ("HĐQT") của Công ty Cổ phần Tập đoàn YEAH1 ("Công ty") chịu trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con (gọi chung là "Tập đoàn") thể hiện trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của năm tài chính kết thúc vào ngày nêu trên. Trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Chủ tịch HĐQT được yêu cầu phải:

- chọn lựa các chính sách kế toán phù hợp và áp dụng một cách nhất quán;
- thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng; và
- lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở đơn vị hoạt động liên tục trừ khi giả định đơn vị hoạt động liên tục là không phù hợp.

Chủ tịch HĐQT của Công ty chịu trách nhiệm bảo đảm rằng các sổ sách kế toán đúng đắn đã được thiết lập và duy trì để thể hiện tình hình tài chính của Tập đoàn với độ chính xác hợp lý tại mọi thời điểm và để làm cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo chế độ kế toán được trình bày ở Thuyết minh số 2 của báo cáo tài chính hợp nhất. Chủ tịch HĐQT của Công ty cũng chịu trách nhiệm đối với việc bảo vệ các tài sản của Tập đoàn và thực hiện các biện pháp hợp lý để ngăn ngừa và phát hiện các gian lận và các sai sót khác.

PHÊ CHUẨN BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Theo đây, tôi phê chuẩn báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm từ trang 5 đến trang 58. Báo cáo tài chính hợp nhất này phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc vào ngày nêu trên phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.



Nguyễn Ánh Nhượng Tổng
Chủ tịch HĐQT

TP. Hồ Chí Minh, nước CHXHCN Việt Nam
Ngày 9 tháng 4 năm 2018

**BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP GỬI CÁC CỔ ĐÔNG CỦA
CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN YEAH1
(Tên trước đây là Công ty Cổ phần Tập đoàn Đại Sứ Trẻ)**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Tập đoàn YEAH1 ("Công ty") và các công ty con (sau đây gọi chung là "Tập đoàn") được lập ngày 31 tháng 12 năm 2017, và được Chủ tịch Hội đồng Quản trị phê duyệt ngày 9 tháng 4 năm 2018. Báo cáo tài chính hợp nhất này bao gồm: bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày nêu trên, và thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm các chính sách kế toán chủ yếu từ trang 5 đến trang 58.

Trách nhiệm của Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Chủ tịch Hội đồng Quản trị của Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Chủ tịch Hội đồng Quản trị xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất này dựa trên kết quả cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tập đoàn liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tập đoàn. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Chủ tịch Hội đồng Quản trị cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Tập đoàn trong năm tài chính kết thúc vào ngày nêu trên phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt và đại diện cho Công ty TNHH PwC (Việt Nam)



Mai Viết Hùng Trần
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán:
0048-2018-006-1
Chữ ký được ủy quyền

Số hiệu báo cáo kiểm toán: HCM7201
TP. Hồ Chí Minh, ngày 9 tháng 4 năm 2018

Cao Thị Ngọc Loan
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán:
3030-2017-006-1

Như đã nêu trong Thuyết minh 2.1 của báo cáo tài chính hợp nhất, báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm mục đích phản ánh tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán đã được thừa nhận ở các nước và các thể chế khác ngoài nước CHXHCN Việt Nam, và hơn nữa, cũng không dành cho những người sử dụng nào không biết các nguyên tắc, các thủ tục và các thông lệ kế toán Việt Nam.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN YEAH1
(Tên trước đây là Công ty Cổ phần Tập đoàn Đại Sứ Trẻ)

Mẫu số B 01 – DN/HN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Tại ngày 31 tháng 12 năm	
			2017 VND	2016 VND
100	TÀI SẢN NGẮN HẠN		435.565.961.714	282.410.029.174
110	Tiền và các khoản tương đương tiền	4	41.931.020.478	12.709.269.717
111	Tiền		25.631.020.478	12.709.269.717
112	Các khoản tương đương tiền		16.300.000.000	-
120	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn		35.575.296.036	26.393.641.314
123	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	5(a)	35.575.296.036	26.393.641.314
130	Các khoản phải thu ngắn hạn		248.879.625.134	175.805.160.007
131	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	6	154.665.886.234	116.883.639.712
132	Trả trước cho người bán ngắn hạn	7	32.690.645.652	16.735.994.416
136	Phải thu ngắn hạn khác	8(a)	61.699.493.248	42.211.925.879
137	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(176.400.000)	(26.400.000)
140	Hàng tồn kho	9	74.423.047.793	48.146.419.284
141	Hàng tồn kho		74.900.593.248	48.623.964.739
149	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(477.545.455)	(477.545.455)
150	Tài sản ngắn hạn khác		34.756.972.273	19.355.538.852
151	Chi phí trả trước ngắn hạn	10(a)	3.430.490.513	4.302.718.088
152	Thuế GTGT được khấu trừ		29.866.508.519	14.815.502.796
153	Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước		433.313.641	232.317.968
155	Tài sản ngắn hạn khác		1.026.659.600	5.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN YEAH1
(Tên trước đây là Công ty Cổ phần Tập đoàn Đại Sứ Trẻ)

Mẫu số B 01 – DN/HN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
(tiếp theo)

Mã số	TÀI SẢN (tiếp theo)	Thuyết minh	Tại ngày 31 tháng 12 năm	
			2017 VND	2016 VND
200	TÀI SẢN DÀI HẠN		221.739.383.980	72.112.493.010
210	Các khoản phải thu dài hạn		69.699.759.498	19.055.983.694
215	Phải thu về cho vay dài hạn	11	35.864.555.647	-
216	Phải thu dài hạn khác	8(b)	33.835.203.851	19.055.983.694
220	Tài sản cố định		13.024.833.329	13.842.367.315
221	Tài sản cố định hữu hình	12(a)	4.450.190.050	4.787.794.357
222	Nguyên giá		14.428.575.865	13.269.218.546
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(9.978.385.815)	(8.481.424.189)
224	Tài sản cố định thuê tài chính	12(b)	1.925.290.576	2.339.909.488
225	Nguyên giá		2.833.229.210	2.833.229.210
226	Giá trị khấu hao lũy kế		(907.938.634)	(493.319.722)
227	Tài sản cố định vô hình	12(c)	6.649.352.703	6.714.663.470
228	Nguyên giá		7.070.435.154	7.066.249.154
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(421.082.451)	(351.585.684)
240	Tài sản dở dang dài hạn		115.475.000	2.362.499.998
242	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		115.475.000	2.362.499.998
250	Đầu tư tài chính dài hạn		7.866.659.742	250.669.012
252	Đầu tư vào công ty liên kết	5(b)	400.000.000	400.000.000
253	Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	5(c)	7.615.990.730	-
254	Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	5(b)	(149.330.988)	(149.330.988)
260	Tài sản dài hạn khác		131.032.656.411	36.600.972.991
261	Chi phí trả trước dài hạn	10(b)	20.385.650.623	36.436.526.142
262	Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	20	806.924.582	164.446.849
268	Tài sản dài hạn khác		450.000.000	-
269	Lợi thế thương mại	13	109.390.081.206	-
270	TỔNG TÀI SẢN		657.305.345.694	354.522.522.184

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN YEAH1
(Tên trước đây là Công ty Cổ phần Tập đoàn Đại Sứ Trẻ)

Mẫu số B 01 – DN/HN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Tại ngày 31 tháng 12 năm	
			2017 VND	2016 VND
300	NỢ PHẢI TRẢ		324.514.900.460	244.882.690.807
310	Nợ ngắn hạn		294.455.248.460	220.801.728.381
311	Phải trả người bán ngắn hạn	14	126.325.444.089	69.949.547.074
312	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	15	6.575.814.503	2.509.662.344
313	Thuế và các khoản phải nộp Ngân sách Nhà nước	16	25.703.801.902	14.456.904.573
314	Phải trả người lao động		2.921.177.799	36.156.875
315	Chi phí phải trả ngắn hạn	17	9.485.294.990	20.559.877.595
319	Phải trả ngắn hạn khác	18	55.974.050.174	31.963.347.357
320	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	19(a)	67.469.665.003	80.943.866.786
322	Quỹ khen thưởng, phúc lợi		-	382.365.777
330	Nợ dài hạn		30.059.652.000	24.080.962.426
337	Phải trả dài hạn khác		59.652.000	59.652.000
338	Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	19(b)	30.000.000.000	24.021.310.426
400	VỐN CHỦ SỞ HỮU		332.790.445.234	109.639.831.377
410	Vốn chủ sở hữu		332.790.445.234	109.639.831.377
411	Vốn góp của chủ sở hữu	21, 22	238.000.000.000	100.000.000.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		238.000.000.000	100.000.000.000
412	Thặng dư vốn cổ phần	22	24.115.560.000	115.560.000
417	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	22	304.613.369	-
421	Lợi nhuận sau thuế ("LNST") chưa phân phối	22	42.111.388.642	1.459.673.264
421a	- LNST chưa phân phối lũy kế của các năm trước		-	-
421b	- LNST chưa phân phối năm nay		42.111.388.642	1.459.673.264
429	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	23	28.258.883.223	8.064.598.113
440	TỔNG NGUỒN VỐN		657.305.345.694	354.522.522.184

Trần Thị Lào
Kế toán trưởng/Người lập

Võ Thái Phong
Giám đốc Tài chính

Nguyễn Ảnh Nhượng Tổng
Chủ tịch HĐQT
Ngày 9 tháng 4 năm 2018



CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN YEAH1
(Tên trước đây là Công ty Cổ phần Tập đoàn Đại Sứ Trẻ)

Mẫu số B 02 – DN/HN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Mã số	Thuyết minh	Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm	
		2017 VND	2016 VND
01	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	851.561.663.701	573.658.640.599
02	Các khoản giảm trừ doanh thu	(11.211.754.284)	(11.002.647.373)
10	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	840.349.909.417	562.655.993.226
11	Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ	(593.383.891.696)	(408.304.282.009)
20	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	246.966.017.721	154.351.711.217
21	Doanh thu hoạt động tài chính	9.628.484.684	4.727.560.216
22	Chi phí tài chính	(21.005.915.713)	(17.161.028.824)
23	- Trong đó: Chi phí lãi vay	(16.183.866.742)	(12.780.626.557)
24	Phần lãi trong công ty liên kết	-	-
25	Chi phí bán hàng	(52.734.972.406)	(54.049.079.430)
26	Chi phí quản lý doanh nghiệp	(85.596.057.685)	(63.166.438.151)
30	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	97.257.556.601	24.702.725.028
31	Thu nhập khác	13.048.200	224.925.910
32	Chi phí khác	(1.105.827.678)	(2.818.004.644)
40	Lỗ khác	(1.092.779.478)	(2.593.078.734)
50	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	96.164.777.123	22.109.646.294
51	Chi phí thuế TNDN hiện hành	(14.528.122.647)	(5.957.206.740)
52	Thu nhập/(Chi phí) thuế TNDN hoãn lại	642.477.733	(25.711.558)
60	Thu nhập sau thuế TNDN	82.279.132.209	16.126.727.996
Phân bổ cho			
61	Lợi nhuận sau thuế của cổ đông Công ty mẹ	58.871.715.378	16.144.938.220
62	Lợi nhuận/(lỗ) sau thuế của cổ đông không kiểm soát	23.407.416.831	(18.210.224)
70	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	5.419	1.429

Trần Thị Lào
Kế toán trưởng/Người lập

Võ Thái Phong
Giám đốc Tài chính

Nguyễn Ảnh Nhượng Tổng
Chủ tịch HĐQT
Ngày 9 tháng 4 năm 2018

Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 58 là một phần cấu thành báo cáo tài chính hợp nhất này.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN YEAH1
(Tên trước đây là Công ty Cổ phần Tập đoàn Đại Sứ Trẻ)

Mẫu số B 03 – DN/HN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	Thuyết minh	Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm	
		2017 VND	2016 VND
01 LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
Lợi nhuận kế toán trước thuế		96.164.777.123	22.109.646.294
02 Điều chỉnh cho các khoản:			
03 Khấu hao, hao mòn tài sản cố định ("TSCĐ") và phân bổ lợi thế thương mại		10.468.914.010	2.175.104.491
04 Các khoản dự phòng/(hoàn nhập dự phòng)		150.000.000	(13.200.000)
05 Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		1.514.914	-
06 Lãi từ hoạt động đầu tư		(9.536.852.615)	(2.859.497.044)
08 Chi phí lãi vay		16.183.866.742	12.780.626.557
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động		113.432.220.174	34.192.680.298
09 Tăng các khoản phải thu		(221.391.958.593)	(32.982.596.531)
10 Tăng hàng tồn kho		(26.276.628.508)	(32.338.785.725)
11 Tăng các khoản phải trả		164.914.309.012	58.482.823.240
12 Giảm các chi phí trả trước		16.923.103.094	18.931.357.564
14 Tiền lãi vay đã trả		(13.732.248.570)	(17.146.664.957)
15 Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	16	(8.231.063.733)	(4.056.874.607)
20 Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		25.637.732.876	25.081.939.282
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21 Chi để mua sắm TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		(417.686.819)	(255.129.995)
22 Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		1.650.000.000	2.154.545.455
23 Chi tiền gửi có kỳ hạn		(288.058.623.901)	(4.907.240.250)
24 Thu tiền gửi có kỳ hạn		243.012.413.532	44.804.229.369
25 Chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(92.544.790.730)	-
27 Thu lãi cho vay, lãi tiền gửi, cổ tức và lợi nhuận được chia		9.528.104.975	4.727.560.216
30 Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(126.830.582.943)	46.523.964.795
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
31 Thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu		33.600.000.000	2.900.000.000
32 Mua lại cổ phiếu đã phát hành		-	(5.242.217.851)
33 Thu từ vay ngắn hạn, dài hạn	36(b)	404.150.857.437	272.521.982.403
34 Chi trả nợ gốc vay	36(c)	(297.110.841.858)	(331.203.983.277)
35 Chi trả nợ gốc thuê tài chính	36(c)	(755.527.788)	(755.527.785)
36 Chi trả cổ tức cho chủ sở hữu		(9.468.372.049)	(4.614.485.944)
40 Lưu chuyển thuần từ hoạt động tài chính		130.416.115.742	(66.394.232.454)
50 Lưu chuyển tiền thuần trong năm		29.223.265.675	5.211.671.623
60 Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	4	12.709.269.717	7.497.598.094
61 Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		40.514.914	-
70 Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm	4	40.931.020.478	12.709.269.717

Giao dịch trọng yếu không sử dụng tiền mặt trong năm tài chính được trình bày tại thuyết minh 36.

Trần Thị Lào
Kế toán trưởng/Người lập

Võ Thái Phong
Giám đốc Tài chính

Nguyễn Anh Nhượng Tổng
Chủ tịch HĐQT
Ngày 9 tháng 4 năm 2018



CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN YEAH1
(Tên trước đây là Công ty Cổ phần Tập đoàn Đại Sứ Trẻ)

Mẫu số B 09 – DN/HN

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2017**

1 ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Công ty Cổ phần Tập đoàn Yeah1 (tên trước đây là Công ty Cổ phần Tập đoàn Đại Sứ Trẻ) (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại nước CHXHCN Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0304592171 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 12 tháng 9 năm 2006 và Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp điều chỉnh lần thứ 20 ngày 20 tháng 2 năm 2018.

Hoạt động chính của Công ty và các công ty con (gọi chung là “Tập đoàn”) bao gồm quảng cáo, hoạt động sáng tác, nghệ thuật, giải trí; sản xuất và phát hành phim điện ảnh, phim video và chương trình truyền hình, tổ chức, giới thiệu và xúc tiến thương mại, hoạt động hậu kỳ, hoạt động viễn thông có dây và các hoạt động viễn thông khác.

Chu kỳ kinh doanh bình thường của Tập đoàn là trong vòng 12 tháng.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Tập đoàn có 328 nhân viên (2016: 204 nhân viên).

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN YEAH1
Trước đây là Công ty Cổ phần Tập đoàn Đại Sứ Trẻ)

Mẫu số B 09 – DN/HN

ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Công ty có 13 công ty con và 1 công ty liên kết (2016: 6 công ty con và 1 công ty liên kết) được trình bày như sau:

STT	Tên	Địa điểm	Hoạt động kinh doanh chính	2017		2016	
				Quyền sở hữu (%)	Quyền biểu quyết (%)	Quyền sở hữu (%)	Quyền biểu quyết (%)
I - Công ty con trực tiếp							
1	Công ty Cổ phần Giải trí Yeah1 (Tên trước đây là Công ty Cổ phần Tập đoàn Đại Sứ Trẻ)	TP. Hồ Chí Minh	Quảng cáo, sản xuất chương trình truyền hình	99,00	99,00	99,00	99,00
2	Công ty Cổ phần Phát triển Thương hiệu Yeah1 (Tên trước đây là Công ty Cổ phần Phát triển Thương hiệu Đại Sứ Trẻ)	TP. Hồ Chí Minh	Quảng cáo, thiết kế website	99,00	99,00	90,00	90,00
3	Công ty Cổ phần Giải trí Rừng	TP. Hồ Chí Minh	Quảng cáo, sản xuất phim	99,00	99,00	99,00	99,00
4	Công ty Cổ phần NVU	TP. Hồ Chí Minh	Quảng cáo, sản xuất chương trình truyền hình	90,00	90,00	90,90	90,90
5	Công ty Cổ phần SMB	TP. Hồ Chí Minh	Hoạt động hậu kỳ, chiếu phim, ghi âm và xuất bản âm nhạc	85,00	85,00	-	-
6	Công ty Cổ phần Thương mại Thế giới Film	TP. Hồ Chí Minh	Công nghệ tin, dịch vụ công nghệ thông tin, Quảng cáo	72,75	72,75	72,75	72,75
7	Công ty Cổ phần Đầu tư Và Sản xuất Phim Yeah1 (Công ty Cổ phần Đầu tư Và Sản xuất Phim Đại Sứ Trẻ)	TP. Hồ Chí Minh	Sản xuất phim, viễn thông và quảng cáo	62,69	62,69	62,69	62,69
8	Công ty Cổ phần Truyền thông Trục Tuyến NetLink	TP. Hồ Chí Minh	Các hoạt động sáng tạo, nghệ thuật và giải trí	51,00	51,00	-	-
9	Công ty Cổ phần Truyền thông ON+	TP. Hồ Chí Minh	Quảng cáo	51,00	51,00	-	-
II - Công ty con gián tiếp							
10	Công ty TNHH Yeah1 Network Việt Nam	TP. Hồ Chí Minh	Quảng cáo, nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận	90,09	100,00	-	-
11	Công ty Netlink Online Corporation (*)	Singapore	Công nghệ tin, dịch vụ công nghệ thông tin, Quảng cáo	51,00	100,00	-	-
12	Công ty Yeah1 Network PTE. Ltd.	Singapore	Hoạt động sản xuất phim điện ảnh, phim video và chương trình truyền hình, hoạt động sáng tác, nghệ thuật và giải trí.	89,10	90,00	-	-
13	Công ty TNHH Quảng cáo Truyền thông TNT	TP. Hồ Chí Minh	Quảng cáo, tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại, hoạt động sản xuất phim điện ảnh, phim video và chương trình truyền hình, hoạt động sáng tác, nghệ thuật và giải trí.	50,49	51,00	-	-
III - Công ty liên kết							
14	Công ty Cổ phần Tin học và Truyền thông Kết Nối Trẻ	TP. Hồ Chí Minh	Sản xuất phim, viễn thông và quảng cáo	40,00	40,00	40,00	40,00

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN YEAH1
(Tên trước đây là Công ty Cổ phần Tập đoàn Đại Sứ Trè)

Mẫu số B 09 – DN/HN

1 ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY (tiếp theo)

(*) Tại ngày phê duyệt báo cáo tài chính hợp nhất này, Tập đoàn đang trong quá trình hoàn tất thủ tục hồ sơ đầu tư ra nước ngoài cho Netlink Online Corporation.

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

2.1 Cơ sở của việc lập báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất đã được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Báo cáo tài chính hợp nhất được lập theo nguyên tắc giá gốc.

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm mục đích trình bày tình hình tài chính, kết quả kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán thường được chấp nhận ở các nước và các thể chế khác ngoài nước Việt Nam. Các nguyên tắc và thông lệ kế toán sử dụng tại nước Việt Nam có thể khác với các nguyên tắc và thông lệ kế toán tại các nước và các thể chế khác.

2.2 Năm tài chính

Năm tài chính của Tập đoàn bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

2.3 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán và được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất là Đồng Việt Nam ("VND" hoặc "đồng").

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá giao dịch thực tế áp dụng tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Tài sản và nợ phải trả bằng tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất lần lượt được quy đổi theo tỷ giá mua và tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn thường xuyên có giao dịch áp dụng tại ngày bảng cân đối kế toán hợp nhất. Các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng tại ngày của bảng cân đối kế toán được quy đổi theo tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Tập đoàn mở tài khoản ngoại tệ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc quy đổi này được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Cơ sở hoạt động ở nước ngoài

Các tài sản và nợ phải trả của cơ sở hoạt động ở nước ngoài được quy đổi sang Đồng Việt Nam theo tỷ giá hối đoái tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Thu nhập và chi phí của cơ sở hoạt động ở nước ngoài được quy đổi sang Đồng Việt Nam theo tỷ giá hối đoái bình quân kỳ giao dịch.

Các chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh do quy đổi cơ sở hoạt động ở nước ngoài được ghi nhận vào khoản mục "Chênh lệch tỷ giá hối đoái" thuộc vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

2.4 Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính

Công ty con

Công ty con là những doanh nghiệp mà Tập đoàn có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp, thường đi kèm là việc nắm giữ hơn một nửa quyền biểu quyết. Sự tồn tại và tính hữu hiệu của quyền biểu quyết tiềm tàng đang được thực thi hoặc được chuyển đổi sẽ được xem xét khi đánh giá liệu Tập đoàn có quyền kiểm soát doanh nghiệp hay không. Công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày quyền kiểm soát đã chuyển giao cho Tập đoàn. Việc hợp nhất chấm dứt kể từ lúc quyền kiểm soát không còn.

Phương pháp kế toán mua được Tập đoàn sử dụng để hạch toán việc mua công ty con. Chi phí mua được ghi nhận theo giá trị hợp lý của các tài sản đem trao đổi, công cụ vốn được phát hành và các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận tại ngày diễn ra việc trao đổi, cộng với các chi phí liên quan trực tiếp đến việc mua. Các tài sản xác định được, nợ phải trả và những khoản nợ tiềm tàng đã được thừa nhận khi hợp nhất kinh doanh được xác định trước hết theo giá trị hợp lý tại ngày mua không kể đến lợi ích của cổ đông không kiểm soát. Khoản vượt trội giữa chi phí mua so với phần sở hữu của bên mua trong giá trị tài sản thuần được xem là lợi thế thương mại. Nếu phần sở hữu bên mua trong giá trị hợp lý tài sản thuần lớn hơn chi phí mua, phần chênh lệch được ghi nhận ngay vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Giao dịch, công nợ và các khoản lãi, các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh giữa các công ty trong cùng Tập đoàn được loại trừ khi hợp nhất. Chính sách kế toán của công ty con cũng thay đổi nếu cần thiết để đảm bảo sự nhất quán với chính sách kế toán đang được Tập đoàn áp dụng.

Nghịệp vụ và lợi ích của cổ đông không kiểm soát

Tập đoàn áp dụng chính sách cho các nghịệp vụ đối với cổ đông không kiểm soát giống như nghịệp vụ với các bên không thuộc Tập đoàn.

Lợi ích cổ đông không kiểm soát được xác định theo tỷ lệ phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của đơn vị bị mua lại tại ngày mua.

Việc thoái vốn của Tập đoàn trong công ty con mà không dẫn đến mất quyền kiểm soát được kế toán tương tự như các giao dịch vốn chủ sở hữu. Chênh lệch giữa giá trị thay đổi phần sở hữu của Tập đoàn trong tài sản thuần của công ty con và số chi hoặc thu từ việc thoái vốn tại công ty con được ghi nhận vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối thuộc vốn chủ sở hữu.

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

2.4 Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính (tiếp theo)

Công ty liên kết

Công ty liên kết là tất cả các công ty trong đó Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải kiểm soát, thường được thể hiện thông qua việc nắm giữ từ 20% đến 50% quyền biểu quyết ở công ty đó. Các khoản đầu tư vào công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu và được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Khoản đầu tư của Tập đoàn vào công ty liên kết bao gồm lợi thế thương mại phát sinh khi đầu tư, trừ đi những khoản giảm giá tài sản lũy kế.

Lợi nhuận của Tập đoàn được chia sau khi đầu tư vào các công ty liên kết sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, và phần chia của biến động trong các quỹ dự trữ sau khi đầu tư vào các công ty liên kết sẽ được ghi nhận vào quỹ dự trữ hợp nhất. Các khoản thay đổi lũy kế sau khi đầu tư vào các công ty liên kết được điều chỉnh vào giá trị ghi sổ của khoản đầu tư. Khi phần lỗ trong liên kết bằng hoặc vượt quá lợi ích của Tập đoàn trong công ty liên kết, Tập đoàn sẽ không ghi nhận khoản lỗ vượt đó trừ khi đã phát sinh nghĩa vụ hoặc đã thanh toán hộ cho các công ty liên kết.

Các khoản lãi hay lỗ chưa thực hiện từ các giao dịch nội bộ giữa Tập đoàn với các bên liên kết sẽ được loại trừ tới mức tương ứng với phần lợi ích của Tập đoàn trong các bên liên kết theo quy định kế toán hiện hành. Các chính sách kế toán của các bên liên kết được thay đổi khi cần thiết để đảm bảo sự nhất quán với chính sách kế toán mà Tập đoàn áp dụng.

2.5 Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại trên báo cáo tài chính hợp nhất là phần phụ trội giữa mức giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần lợi ích của Tập đoàn trong tổng giá trị hợp lý của tài sản thuần của công ty con hay công ty liên kết tại ngày thực hiện nghiệp vụ đầu tư. Lợi thế thương mại có được từ việc mua công ty con được coi là một loại tài sản, được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính của lợi thế thương mại đó nhưng không quá 10 năm.

Lợi thế thương mại có được từ việc mua khoản đầu tư vào công ty liên kết được tính vào giá trị ghi sổ của khoản đầu tư tại thời điểm mua. Tập đoàn không phân bổ dần khoản lợi thế thương mại này.

Khi bán công ty con hoặc công ty liên kết, giá trị còn lại của khoản lợi thế thương mại chưa khấu hao hết được tính vào khoản lãi/lỗ do nghiệp vụ nhượng bán công ty tương ứng.

Tập đoàn đánh giá tổn thất lợi thế thương mại tại công ty con định kỳ hàng năm. Lợi thế thương mại được ghi nhận theo giá vốn trừ khấu hao lũy kế trừ tổn thất lợi thế thương mại lũy kế. Nếu có bằng chứng cho thấy phần giá trị lợi thế thương mại bị tổn thất lớn hơn số phân bổ hàng năm thì phân bổ theo số lợi thế thương mại bị tổn thất ngay trong kỳ phát sinh.

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

2.6 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, tiền gửi không kỳ hạn và các khoản đầu tư ngắn hạn khác có thời hạn đáo hạn ban đầu không quá ba tháng.

2.7 Khoản phải thu khách hàng

Các khoản phải thu khách hàng được thể hiện theo giá trị ghi trên hóa đơn gốc trừ dự phòng các khoản phải thu khó đòi được ước tính dựa trên việc rà soát của Chủ tịch Hội đồng Quản trị đối với tất cả các khoản còn chưa thu tại thời điểm cuối năm. Các khoản nợ được xác định là không thể thu hồi sẽ được xóa sổ.

2.8 Hàng tồn kho

(a) Chương trình truyền hình

Chương trình truyền hình được ghi nhận là hàng tồn kho được thể hiện theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được xác định trên cơ sở thực tế đích danh và bao gồm tất cả các chi phí mua, chi phí hậu cần để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Chương trình truyền hình được ghi nhận vào giá vốn hàng bán theo nguyên tắc số dư giảm dần dựa vào số lần phát sóng.

(b) Hàng hóa

Hàng hóa được thể hiện theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được xác định trên cơ sở nhập trước xuất trước và bao gồm tất cả các chi phí mua và chi phí khác để có thể có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

(c) Dự phòng

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc phát sóng chương trình. Dự phòng được lập, khi cần thiết, cho hàng tồn kho bị lỗi thời và chậm lưu chuyển.

2.9 Đầu tư

(a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Chủ tịch Hội đồng Quản trị Tập đoàn có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng giảm giá đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được lập trên cơ sở có bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

2.9 Đầu tư (tiếp theo)

(b) Phải thu về cho vay

Các khoản phải thu về cho vay là các khoản cho vay theo khế ước giữa các bên. Các khoản phải thu về cho vay được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng các khoản phải thu về cho vay khó đòi được ước tính dựa trên việc rà soát của Chủ tịch Hội đồng Quản trị đối với tất cả các khoản phải thu về cho vay còn chưa thu tại thời điểm cuối năm.

(c) Đầu tư vào các công ty liên kết

Đầu tư vào các công ty liên kết được trình bày theo phương pháp vốn chủ sở hữu trong báo cáo tài chính hợp nhất (Thuyết minh 2.4).

(d) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác là các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác nhưng không có quyền kiểm soát hoặc đồng kiểm soát, không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư. Các khoản đầu tư này được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi Tập đoàn nhận đầu tư bị lỗ, ngoại trừ khoản lỗ mà Chủ tịch Hội đồng Quản trị Tập đoàn đã dự đoán từ khi đầu tư.

2.10 Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định được phản ánh theo nguyên giá trừ khấu hao lũy kế. Nguyên giá bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến việc mua tài sản cố định.

Khấu hao và hao mòn

Tài sản cố định khấu hao theo phương pháp đường thẳng để giảm dần nguyên giá tài sản trong suốt thời gian hữu dụng ước tính hoặc theo thời hạn của dự án nếu ngắn hơn. Các tỷ lệ khấu hao chủ yếu hàng năm như sau:

Thiết bị văn phòng	10% – 17%
Phương tiện vận tải	10% – 33%
Máy móc thiết bị	10% – 20%
Phần mềm máy tính	2% – 10%
Băng sáng chế	2%
Tài sản khác	20%

Quyền sử dụng đất không thời hạn được ghi nhận theo giá gốc và không khấu hao.

Thanh lý

Lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý, nhượng bán tài sản cố định được xác định bằng số chênh lệch giữa số tiền thu thuần do thanh lý với giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

2.10 Tài sản cố định (tiếp theo)

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê hoặc quản trị, hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác, được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí tập hợp bao gồm chi phí cho các chuyên gia và đối với tài sản đủ điều kiện, chi phí vay được ghi nhận phù hợp với chính sách kế toán của Tập đoàn. Khấu hao của những tài sản này, cũng giống như các loại tài sản cố định khác, sẽ bắt đầu được trích khi tài sản đã sẵn sàng cho mục đích sử dụng.

2.11 Thuê tài sản

Việc thuê tài sản mà bên cho thuê chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn với quyền sở hữu tài sản cho bên thuê thì được hạch toán là thuê tài chính. Thuê tài chính được ghi nhận là tài sản tại thời điểm khởi đầu việc thuê tài sản với giá trị thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản cho thuê và giá trị hiện tại thuần của các khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu. Khoản thanh toán tiền thuê tài chính được chia ra thành chi phí tài chính và khoản phải trả nợ gốc để duy trì một tỉ lệ lãi suất cố định trên số dư nợ thuê tài chính. Khoản phải trả nợ gốc không bao gồm chi phí tài chính, được hạch toán là nợ dài hạn. Chi phí tài chính được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong suốt thời hạn của hợp đồng thuê. Tài sản cố định thuê tài chính được khấu hao trong thời gian ngắn hơn giữa thời gian sử dụng ước tính của tài sản và thời gian thuê. Tuy nhiên nếu có sự chắc chắn hợp lý rằng bên thuê sẽ có quyền sở hữu ở cuối thời hạn thuê thì khấu hao sẽ được dựa trên thời gian sử dụng ước tính của tài sản.

Thuê hoạt động là loại hình thuê tài sản cố định mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản thuộc về bên cho thuê. Khoản thanh toán dưới hình thức thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê hoạt động.

2.12 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán và chủ yếu là chi phí đầu tư phát triển dự án, chi phí truyền dẫn, thiết bị đã đưa vào sử dụng. Các khoản chi phí trả trước này được ghi nhận theo giá gốc và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính.

2.13 Nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được phân loại dựa vào tính chất bao gồm:

- Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ.
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên bảng cân đối kế toán căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày của bảng cân đối kế toán

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

2.14 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đối với hoạt động xây dựng hoặc sản xuất bất kỳ tài sản đủ tiêu chuẩn sẽ được vốn hóa trong thời gian mà các tài sản này được hoàn thành và chuẩn bị đưa vào sử dụng. Chi phí đi vay khác được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

2.15 Các khoản vay

Các khoản vay có thời gian trả nợ hơn 12 tháng kể từ thời điểm lập báo cáo tài chính hợp nhất được phân loại là vay dài hạn. Các khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng tiếp theo kể từ thời điểm lập báo cáo tài chính hợp nhất được phân loại lại là vay để có kế hoạch chi trả. Các chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến khoản vay (ngoài lãi vay phải trả), như chi phí thẩm định, kiểm toán, lập hồ sơ vay vốn... được hạch toán vào chi phí tài chính. Trường hợp các chi phí này phát sinh từ khoản vay riêng cho mục đích đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì được vốn hóa theo chính sách kế toán nêu tại Thuyết minh 2.14.

2.16 Chi phí phải trả

Bao gồm các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh của kỳ báo cáo.

2.17 Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Tập đoàn có nghĩa vụ nợ hiện tại, pháp lý hoặc liên đới, phát sinh từ các sự kiện đã xảy ra; việc thanh toán nghĩa vụ nợ có thể sẽ dẫn đến sự giảm sút về những lợi ích kinh tế và giá trị của nghĩa vụ nợ đó được ước tính một cách đáng tin cậy. Dự phòng không được ghi nhận cho các khoản lỗ hoạt động trong tương lai.

Dự phòng được tính trên cơ sở các khoản chi phí dự tính phải thanh toán nghĩa vụ nợ. Nếu ảnh hưởng về giá trị thời gian của tiền là trọng yếu thì dự phòng được tính trên cơ sở giá trị hiện tại với tỷ lệ chiết khấu trước thuế và phản ánh những đánh giá trên thị trường hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó. Giá trị tăng lên do ảnh hưởng của yếu tố thời gian được ghi nhận là chi phí đi vay.

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

2.18 Dự phòng trợ cấp thôi việc

Theo Luật Lao động Việt Nam, người lao động của Tập đoàn đã làm việc thường xuyên đủ 12 tháng trở lên được hưởng khoản trợ cấp thôi việc. Thời gian làm việc để tính trợ cấp thôi việc là tổng thời gian người lao động đã làm việc thực tế cho Tập đoàn trừ đi thời gian người lao động đã tham gia bảo hiểm thất nghiệp theo quy định của pháp luật và thời gian làm việc đã được Tập đoàn chi trả trợ cấp thôi việc.

Trợ cấp thôi việc của người lao động được trích trước cuối mỗi kỳ báo cáo theo tỷ lệ bằng một nửa mức lương bình quân tháng cho mỗi năm làm việc. Mức lương bình quân tháng để tính trợ cấp thôi việc dựa trên mức lương bình quân của sáu tháng gần nhất tính đến trước ngày lập bảng cân đối kế toán này.

Khoản trích trước này được sử dụng để trả một lần khi người lao động chấm dứt hợp đồng lao động theo quy định hiện hành.

2.19 Vốn chủ sở hữu

Vốn góp cổ phần của các cổ đông được ghi nhận theo số thực tế góp của các cổ đông và được phản ánh theo mệnh giá của cổ phiếu.

Thặng dư vốn cổ phần là khoản chênh lệch giữa vốn góp theo mệnh giá cổ phiếu với giá thực tế phát hành cổ phiếu; chênh lệch giữa giá mua lại cổ phiếu quỹ và giá tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty phát hành và được mua lại bởi chính Công ty, nhưng chưa bị hủy bỏ và sẽ được tái phát hành trở lại trong khoảng thời gian theo quy định của pháp luật về chứng khoán.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối: phản ánh kết quả kinh doanh lũy kế sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Tập đoàn tại thời điểm báo cáo.

2.20 Phân chia lợi nhuận thuần

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các nhà đầu tư/cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo điều lệ của Tập đoàn và các quy định của pháp luật Việt Nam.

(a) Chia cổ tức

Cổ tức của Tập đoàn được ghi nhận là một khoản phải trả trong báo cáo tài chính của kỳ kế toán mà cổ tức được thông qua tại Đại hội đồng Cổ đông.

(b) Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ khen thưởng, phúc lợi được trích lập từ lợi nhuận thuần của Tập đoàn và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng Cổ đông. Quỹ được sử dụng để khen thưởng và khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho cán bộ, công nhân viên.

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

2.21 Ghi nhận doanh thu

(a) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm điều kiện sau:

- Tập đoàn đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Tập đoàn không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Tập đoàn sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu không được ghi nhận khi có yếu tố không chắc chắn mang tính trọng yếu về khả năng thu được tiền bán hàng hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

Doanh thu được ghi nhận phù hợp với bản chất hơn hình thức và được phân bổ theo nghĩa vụ cung ứng hàng hóa. Trường hợp Tập đoàn dùng thành phẩm, hàng hóa để khuyến mãi cho khách hàng kèm theo điều kiện mua hàng của Tập đoàn thì Tập đoàn phân bổ số tiền thu được để tính doanh thu cho cả hàng khuyến mãi và giá trị hàng khuyến mãi được tính vào giá vốn hàng bán.

(b) Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi dịch vụ đã được cung cấp, bằng cách tính mức độ hoàn thành của từng giao dịch, dựa trên cơ sở đánh giá tỉ lệ dịch vụ đã cung cấp so với tổng khối lượng dịch vụ phải cung cấp. Doanh thu cung cấp dịch vụ chỉ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn bốn điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

(c) Thu nhập lãi

Thu nhập lãi được ghi nhận khi được hưởng.

(d) Thu nhập từ cổ tức

Thu nhập cổ tức được ghi nhận khi Tập đoàn được quyền nhận cổ tức từ các đơn vị đầu tư

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

2.22 Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm chiết khấu thương mại, hàng bán bị trả lại và giảm giá hàng bán. Các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được ghi nhận điều chỉnh giảm doanh thu kỳ phát sinh.

Các khoản giảm trừ doanh thu đối với sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ tiêu thụ trong năm, phát sinh sau ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất nhưng trước thời điểm phát hành báo cáo tài chính hợp nhất được ghi nhận điều chỉnh giảm doanh thu của năm lập báo cáo.

2.23 Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ

Giá vốn bán hàng và cung cấp dịch vụ chủ yếu bao gồm chi phí làm nội dung quảng cáo, chi phí sản xuất chương trình, chi phí thuê đường truyền phát sóng, chi phí truyền thông, chi phí hợp tác chia sẻ hoạt động quảng cáo, các chi phí khác và được ghi nhận theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu và nguyên tắc thận trọng.

2.24 Chi phí tài chính

Chi phí tài chính phản ánh những khoản chi phí hoạt động tài chính phát sinh trong năm chủ yếu bao gồm chi phí lãi vay, chiết khấu thanh toán và lỗ tỷ giá hối đoái chưa thực hiện.

2.25 Chi phí bán hàng

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán hàng và cung cấp dịch vụ, chủ yếu bao gồm: chi phí khảo sát thị trường, chi phí lương của bộ phận bán hàng, chi phí khấu hao tài sản cố định dùng cho bộ phận bán hàng và chi phí khác.

2.26 Chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của Tập đoàn, chủ yếu bao gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý; chi phí vật liệu văn phòng công cụ lao động, khấu hao tài sản cố định sử dụng trong văn phòng và các chi phí dịch vụ, tiện ích khác.

2.27 Thuế thu nhập doanh nghiệp (“TNDN”) hiện hành và thuế TNDN hoãn lại

Thuế TNDN bao gồm toàn bộ số thuế thu nhập tính trên thu nhập chịu thuế TNDN, kể cả các khoản thu nhập nhận được từ hoạt động sản xuất, kinh doanh hàng hóa dịch vụ tại nước ngoài mà Việt Nam chưa ký hiệp định về tránh đánh thuế hai lần. Chi phí thuế thu nhập bao gồm chi phí thuế thu nhập hiện hành và chi phí thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế TNDN hiện hành là số thuế TNDN phải nộp hoặc thu hồi được tính trên thu nhập chịu thuế theo thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp của năm hiện hành. Thuế TNDN hiện hành và thuế TNDN hoãn lại được ghi nhận là thu nhập hay chi phí khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của kỳ phát sinh, ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh từ một giao dịch hoặc sự kiện được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu trong cùng kỳ hay một kỳ khác.

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

2.27 Thuế thu nhập doanh nghiệp (“TNDN”) hiện hành và thuế TNDN hoãn lại (tiếp theo)

Thuế TNDN hoãn lại được tính đầy đủ, sử dụng phương thức công nợ, tính trên các khoản chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả trên báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục này. Thuế TNDN hoãn lại không được ghi nhận khi nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả của một giao dịch mà giao dịch này không phải là giao dịch sáp nhập doanh nghiệp, không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận/lỗ tính thuế thu nhập tại thời điểm phát sinh giao dịch. Thuế TNDN hoãn lại được tính theo thuế suất dự tính được áp dụng trong niên độ mà tài sản được thu hồi hoặc khoản nợ phải trả được thanh toán dựa trên thuế suất đã ban hành hoặc xem như có hiệu lực tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận khi có khả năng sẽ có lợi nhuận tính thuế trong tương lai để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ.

2.28 Các bên liên quan

Các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Tập đoàn hoặc chịu sự kiểm soát của Tập đoàn, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Tập đoàn, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết là các bên liên quan. Các bên liên kết, các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Tập đoàn mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Tập đoàn, những cá nhân quản lý chủ chốt bao gồm Giám đốc Tập đoàn, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan, Tập đoàn căn cứ vào bản chất của mối quan hệ chứ không chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

2.29 Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Tập đoàn tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo khu vực địa lý). Mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Mẫu báo cáo bộ phận cơ bản của Tập đoàn là dựa theo bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh hoặc theo khu vực địa lý.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn nhằm mục đích để giúp người sử dụng báo cáo tài chính hiểu rõ và đánh giá được tình hình hoạt động của Tập đoàn một cách toàn diện.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN YEAH1
(Tên trước đây là Công ty Cổ phần Tập đoàn Đại Sứ Trẻ)

Mẫu số B 09 – DN/HN

3 HỢP NHẤT KINH DOANH

(a) Mua Công ty TNHH Quảng cáo Truyền thông TNT

Vào ngày 15 tháng 1 năm 2017, Tập đoàn đã hoàn tất việc mua và kiểm soát 50,49% quyền sở hữu trong Công ty TNHH Quảng cáo Truyền thông TNT với tổng giá phí là 31.041.419.092 đồng.

Việc hợp nhất kinh doanh này có ảnh hưởng đến tài sản của Tập đoàn tại ngày mua như sau:

	Giá trị hợp lý ghi nhận tại ngày mua VND
Tài sản	
Tiền và các khoản tương đương tiền	1.733.120.704
Các khoản phải thu ngắn hạn	38.936.498.021
Tài sản khác	675.466.020
	41.345.084.745
Nợ phải trả	
Nợ phải trả	(41.995.913.178)
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	(560.526.370)
	(42.556.439.548)
Tài sản thuần	(1.211.354.803)
Lợi thế thương mại	31.342.617.941
Lợi ích cổ đông không kiểm soát	(910.155.954)
Tổng giá phí	31.041.419.092
Khoản tiền thu được	(1.733.120.704)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, khoản tiền 26.145.419.092 đồng chưa thanh toán cho việc hợp nhất kinh doanh này được ghi nhận là một khoản phải trả khác (Thuyết minh 18).

Doanh thu năm 2017 của Công ty TNHH Quảng cáo Truyền thông TNT là 140.467.300.832 đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN YEAH1
(Tên trước đây là Công ty Cổ phần Tập đoàn Đại Sứ Trẻ)

Mẫu số B 09 – DN/HN

3 HỢP NHẤT KINH DOANH (tiếp theo)

(b) Mua nhóm công ty: Công ty YEAH1 Network Pte. Ltd. ("Yeah1 Sing") và Công ty TNHH YEAH1 Network Việt Nam ("Yeah1 VN")

Vào ngày 30 tháng 9 năm 2017, Tập đoàn đã hoàn tất việc mua và kiểm soát 90% quyền sở hữu của Yeah1 Sing với tổng giá phí là 1.045.800.000 đồng. Qua đó, Tập đoàn cũng đồng thời kiểm soát 90,09% quyền sở hữu của Yeah1 VN do Yeah1 Sing nắm giữ 90% quyền sở hữu của Yeah1 VN.

Việc hợp nhất kinh doanh ảnh hưởng đến tài sản của Tập đoàn tại ngày mua như sau:

	Giá trị hợp lý ghi nhận tại ngày mua VND
Tài sản	
Tiền và các khoản tương đương tiền	3.535.717.588
Phải thu khách hàng	35.867.659.895
Các khoản phải thu ngắn hạn	2.443.391
	39.405.820.874
Nợ phải trả	
Phải trả người bán	(43.201.973.627)
Phải trả khác	(89.301.977)
	(43.291.275.604)
Tài sản thuần	(3.885.454.730)
Lợi thế thương mại	4.594.770.347
Lợi ích cổ đông không kiểm soát	(445.691.125)
Tổng giá phí	1.045.800.000
Khoản tiền thu được	(3.535.717.588)

Doanh thu năm 2017 của Yeah1 Sing là: 357.354.960.331 đồng. Doanh thu trong giai đoạn tài chính từ ngày 1 tháng 10 năm 2017 đến 31 tháng 12 năm 2017 của Công ty Yeah1 Sing là: 127.230.683.368 đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN YEAH1
(Tên trước đây là Công ty Cổ phần Tập đoàn Đại Sứ Trẻ)

Mẫu số B 09 – DN/HN

3 HỢP NHẤT KINH DOANH (tiếp theo)

(c) Mua nhóm công ty: Công ty Cổ phần Truyền thông Trực tuyến Netlink ("Netlink") và Công ty Netlink Online Corporation ("Netlink Sing")

Vào ngày 1 tháng 7 năm 2017, Tập đoàn đã hoàn tất việc mua và kiểm soát 51,00% quyền sở hữu của Netlink với tổng giá phí là 86.344.882.866 đồng. Qua đó, Tập đoàn cũng đồng thời kiểm soát Netlink Sing do Netlink nắm giữ 100% quyền sở hữu của Netlink Sing.

Việc hợp nhất kinh doanh ảnh hưởng đến tài sản của Tập đoàn tại ngày mua như sau:

**Giá trị hợp lý
ghi nhận
tại ngày mua
VND**

Tài sản

Tiền và các khoản tương đương tiền	4.020.954.595
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	13.616.182.469
Các khoản phải thu ngắn hạn	4.107.861.745
Tài sản cố định hữu hình	1.924.362.158
Tài sản khác	490.294.382

24.159.655.349

Nợ phải trả

Phải trả người bán	(12.231.850.158)
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	(126.131.553)
Vay và nợ thuê tài chính	(2.858.380.669)
Phải trả khác	(1.913.719.061)

(17.130.081.441)

Tài sản thuần

7.029.573.908

Lợi thế thương mại	80.508.001.080
Lợi ích cổ đông không kiểm soát	(1.192.692.122)

Tổng giá phí	86.344.882.866
Khoản tiền thu được	(4.020.954.595)

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN YEAH1
(Tên trước đây là Công ty Cổ phần Tập đoàn Đại Sứ Trẻ)

Mẫu số B 09 – DN/HN

3 HỢP NHẤT KINH DOANH (tiếp theo)

(c) Mua nhóm công ty: Công ty Cổ phần Truyền thông Trực tuyến Netlink ("Netlink") và Công ty Netlink Online Corporation ("Netlink Sing") (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, khoản tiền 7.447.882.866 đồng chưa thanh toán cho việc hợp nhất kinh doanh này được ghi nhận là một khoản phải trả khác (Thuyết minh 18).

Doanh thu năm 2017 của nhóm công ty "Netlink" và "Netlink Sing" là: 199.953.216.973 đồng. Doanh thu trong giai đoạn tài chính từ 1 tháng 7 năm 2017 đến 31 tháng 12 năm 2017 của nhóm công ty "Netlink" và "Netlink Sing" là: 145.725.950.262 đồng.

4 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	2017 VND	2016 VND
Tiền mặt	1.884.713.846	550.614.124
Tiền gửi ngân hàng	23.746.306.632	12.158.655.593
Các khoản tương đương tiền (*)	16.300.000.000	-
	<u>41.931.020.478</u>	<u>12.709.269.717</u>

(*) Các khoản tương đương tiền thể hiện các khoản tiền gửi bằng đồng Việt Nam có thời hạn đáo hạn ban đầu từ một đến ba tháng tại các ngân hàng thương mại và hưởng lãi suất từ 4,5%/năm đến 5,3%/năm.

5 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

(a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	2017		2016	
	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND
Tiền gửi có kỳ hạn	<u>35.575.296.036</u>	<u>35.575.296.036</u>	<u>26.393.641.314</u>	<u>26.393.641.314</u>

Đây là các khoản tiền gửi ngân hàng định kỳ hưởng lãi suất từ 5% đến 7% (2016: 5% đến 6,8%), thời gian đáo hạn từ 6 đến 12 tháng. Các khoản tiền gửi này đã được dùng làm tài sản đảm bảo cho các khoản vay (Thuyết minh 19(a)).

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN YEAH1
(Tên trước đây là Công ty Cổ phần Tập đoàn Đại Sứ Trẻ)

Mẫu số B 09 – DN/HN

5 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(b) Đầu tư vào công ty liên kết

Tên công ty	Hoạt động chính	2017			2016		
		Quyền sở hữu và biểu quyết	Giá trị ghi sổ	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Quyền sở hữu và biểu quyết	Giá trị hợp lý
		%	VND	VND	VND	%	VND
Công ty Cổ phần Tin học và Truyền thông Kết Nối Trẻ	Sản xuất phim, viễn thông và quảng cáo	40	400.000.000	(*)	149.330.988	40	400.000.000
							(*) 149.330.988

(*) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Công ty không có thông tin về giá trị hợp lý của khoản đầu tư này do công ty này chưa niêm yết trên thị trường chứng khoán. Tuy nhiên, Chủ tịch HĐQT tin tưởng rằng giá trị hợp lý của công ty trên cao hơn giá trị sổ sách.

(c) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Tên công ty	Hoạt động chính	2017			2016		
		Quyền sở hữu và biểu quyết	Giá trị ghi sổ	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Quyền sở hữu và biểu quyết	Giá trị hợp lý
		%	VND	VND	VND	%	VND
Công ty Cổ phần Zmedia	Cung cấp dịch vụ quảng cáo	15	7.500.000.000	(**)	-	-	-
Công ty TNHH Springme	Cổng thông tin, Dịch vụ công nghệ thông tin, Quảng cáo	19	115.990.730	(**)	-	-	-
			7.615.990.730	(**)	-	-	-

(**) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Công ty không có thông tin về giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này do công ty này chưa niêm yết trên thị trường chứng khoán. Tuy nhiên, Chủ tịch HĐQT tin tưởng rằng giá trị hợp lý của công ty trên cao hơn giá trị sổ sách.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN YEAH1
(Tên trước đây là Công ty Cổ phần Tập đoàn Đại Sứ Trẻ)

Mẫu số B 09 – DN/HN

6 PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	2017 VND	2016 VND
Bên thứ ba		
Công ty Google Asia Pacific Pte. Ltd.	81.258.215.510	-
Công ty TNHH Truyền thông WPP (*)	21.937.890.097	-
Công ty Facebook Ireland Limited	4.815.407.740	-
Công ty TNHH Aegis Media (Việt Nam)	3.630.533.275	-
Công ty Cổ phần Truyền thông TK-L (*)	3.011.047.000	-
Công ty Cổ phần Phát triển Truyền thông Quảng cáo MAC Việt Nam	2.261.490.000	8.935.377.501
Công ty Cổ phần Beta Media	1.524.531.568	11.369.719.245
Công ty Cổ phần Truyền thông Đất Việt VAC (*)	326.711.154	5.950.956.234
Công ty Cổ phần Phim Thiên Ngân	33.691.365	7.240.997.292
Công ty Cổ phần Global Call Corp.	-	48.437.189.683
Khác	35.161.723.068	34.617.974.757
Bên liên quan (Thuyết minh 37(b))	704.645.457	331.425.000
	<u>154.665.886.234</u>	<u>116.883.639.712</u>

(*) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Tập đoàn đã sử dụng khoản phải thu ngắn hạn của khách hàng để làm tài sản đảm bảo cho khoản vay ngắn hạn ngân hàng (Thuyết minh 19(a)).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 và ngày 31 tháng 12 năm 2016, số dư các khoản phải thu ngắn hạn của khách hàng đã quá hạn thanh toán lần lượt là 550.697.280 đồng và 400.697.280 đồng.

7 TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	2017 VND	2016 VND
Công ty TNHH Một Thành Viên Long Ngọc Châu	18.202.244.105	-
Đài Truyền hình Thành phố Hồ Chí Minh	5.000.000.000	-
Công ty TNHH Giải Trí Đa phương tiện Châu Á	2.965.896.616	-
Công ty Cổ phần Truyền thông Giải trí Đa phương tiện VINACJ	2.800.000.000	-
Công ty Cổ phần Giải trí Sắc Màu	-	7.527.954.388
Công ty TNHH Truyền hình cáp Việt Nam	-	2.916.666.667
Công ty TNHH Một Thành Viên Foneviet	-	1.363.438.086
Khác	3.722.504.931	4.927.935.275
	<u>32.690.645.652</u>	<u>16.735.994.416</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN YEAH1
(Tên trước đây là Công ty Cổ phần Tập đoàn Đại Sứ Trè)

Mẫu số B 09 – DN/HN

8 PHẢI THU KHÁC

(a) Ngắn hạn

	2017 VND	2016 VND
Bên thứ ba		
Lợi nhuận được chia từ hợp tác kinh doanh	2.806.543.782	4.085.304.711
Tạm ứng nhân viên (*)	28.176.664.809	6.562.381.628
Khác	23.580.840.304	7.865.119.817
Bên liên quan (Thuyết minh 37(b))	7.135.444.353	23.699.119.723
	<u>61.699.493.248</u>	<u>42.211.925.879</u>

(*) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, tạm ứng nhân viên chủ yếu thể hiện khoản tạm ứng với số tiền 26.555.206.429 đồng cho Ông Trương Huỳnh Khải Nguyên, Giám đốc của một công ty con, để thực hiện các hoạt động kinh doanh của công ty.

(b) Dài hạn

	2017 VND	2016 VND
Bên thứ ba		
Hợp tác kinh doanh (*)	17.500.000.000	17.500.000.000
Khác	4.158.491.523	1.555.983.694
Bên liên quan (Thuyết minh 37(b))		
Khoản đặt cọc bảo lãnh thực hiện hợp đồng (**)	8.000.000.000	-
Ông Võ Thái Phong	4.176.712.328	-
	<u>33.835.203.851</u>	<u>19.055.983.694</u>

(*) Đây là hợp đồng hợp tác kinh doanh về đầu tư, xây dựng và kinh doanh dự án Hùng Vương Square tại số 100 Hùng Vương, Phường 9, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh giữa Công ty và chủ đầu tư là Công ty Tân An Đông Sài Gòn (trước đây là Công ty TNHH Dịch vụ Thương mại Mai Hương Hương). Tổng giá trị đầu tư dự án là 50.000.000.000 đồng, trong đó, Công ty đồng ý góp 35% tổng mức đầu tư, tương đương 17.500.000.000 đồng và chủ đầu tư đồng ý góp 65% mức đầu tư còn lại, tương đương 32.500.000.000 đồng. Việc phân chia doanh thu sẽ căn cứ vào doanh thu hàng năm của dự án, theo đó, chủ đầu tư đồng ý đảm bảo phân chia doanh thu cho Công ty là 5,5%/năm, dựa trên tổng doanh thu hàng năm trong suốt quá trình hợp tác hoặc tối thiểu 15% trên tổng vốn góp nếu dự án không phát sinh doanh thu. Tại ngày phê duyệt báo cáo tài chính hợp nhất này, Công ty đang tiến hành các thủ tục thanh lý hợp đồng hợp tác kinh doanh này.

(**) Đây là khoản đặt cọc ký quỹ Bảo lãnh thực hiện hợp đồng với Công ty Cổ phần Dịch vụ Thương mại Truyền Thông Trực Tuyến, một bên liên quan của Tập đoàn (Thuyết minh 37(b)).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 và 31 tháng 12 năm 2016, Tập đoàn không có khoản phải thu ngắn hạn và dài hạn khác nào quá hạn hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN YEAH1
(Tên trước đây là Công ty Cổ phần Tập đoàn Đại Sứ Trẻ)

Mẫu số B 09 – DN/HN

9 HÀNG TỒN KHO

	2017		2016	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	58.572.129.249	-	7.157.000.000	-
Chương trình chưa duyệt phát sóng	-	-	4.600.000.000	-
Hàng hóa	12.428.827.437	(477.545.455)	24.808.650.018	(477.545.455)
Chi phí sản xuất phim	3.583.873.675	-	11.977.362.340	-
Bản quyền phim	-	-	80.952.381	-
Khác	315.762.887	-	-	-
	<u>74.900.593.248</u>	<u>(477.545.455)</u>	<u>48.623.964.739</u>	<u>(477.545.455)</u>
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(477.545.455)		(477.545.455)	
	<u><u>74.423.047.793</u></u>		<u><u>48.146.419.284</u></u>	

10 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

(a) Ngắn hạn

	2017 VND	2016 VND
Chi phí dịch vụ trả trước (*)	2.116.019.458	3.683.088.357
Chi phí công cụ, dụng cụ	1.266.471.055	-
Khác	48.000.000	619.629.731
	<u>3.430.490.513</u>	<u>4.302.718.088</u>

Biến động về chi phí trả trước ngắn hạn trong năm như sau:

	2017 VND	2016 VND
Số dư đầu năm	4.302.718.088	5.171.766.789
Tăng	7.233.413.382	13.659.380.075
Phân bổ trong năm	(8.105.640.957)	(14.528.428.776)
Số dư cuối năm	<u><u>3.430.490.513</u></u>	<u><u>4.302.718.088</u></u>

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN YEAH1
(Tên trước đây là Công ty Cổ phần Tập đoàn Đại Sứ Trè)

Mẫu số B 09 – DN/HN

10 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC (tiếp theo)

(b) Dài hạn

	2017 VND	2016 VND
Chi phí đầu tư, phát triển dự án kênh truyền hình	13.636.363.635	-
Chi phí dịch vụ trả trước (*)	4.987.498.435	35.595.250.890
Khác	1.761.788.553	841.275.252
	<u>20.385.650.623</u>	<u>36.436.526.142</u>

Biến động về chi phí trả trước dài hạn trong năm như sau:

	2017 VND	2016 VND
Số dư đầu năm	36.436.526.142	11.923.802.172
Tăng	3.649.083.421	45.768.273.025
Phân bổ trong năm	(19.699.958.940)	(21.255.549.055)
Số dư cuối năm	<u>20.385.650.623</u>	<u>36.436.526.142</u>

(*) Chi phí dịch vụ trả trước ngắn hạn và dài hạn chủ yếu bao gồm chi phí truyền dẫn và phí bản quyền truyền hình trả trước cho nhà cung cấp.

11 PHẢI THU VỀ CHO VAY DÀI HẠN

Đây là các khoản cho một bên liên quan là Ông Võ Thái Phong vay có thời hạn 48 tháng với hạn mức 43.000.000.000 đồng, được đảm bảo bằng sổ tiết kiệm tiền gửi 30.000.000.000 đồng tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh và toàn bộ số cổ phần của Ông Võ Thái Phong tại Công ty. Khoản cho vay này có lãi suất 10%/năm (Thuyết minh 37(b)).

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN YEAH1
(Tên trước đây là Công ty Cổ phần Tập đoàn Đại Sử Trẻ)

Mẫu số B 09 – DN/HN

12 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH

(a) Tài sản cố định hữu hình

	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị văn phòng VND	Tài sản khác VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá					
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2017	903.707.775	9.078.588.685	3.204.909.091	82.012.995	13.269.218.546
Mua trong năm	-	743.700.000	253.091.819	49.120.000	1.045.911.819
Tăng do hợp nhất kinh doanh	-	3.520.250.000	113.445.500	-	3.633.695.500
Thanh lý	-	(3.520.250.000)	-	-	(3.520.250.000)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017	903.707.775	9.822.288.685	3.571.446.410	131.132.995	14.428.575.865
Khấu hao lũy kế					
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2017	730.425.178	5.787.108.594	1.952.955.353	10.935.064	8.481.424.189
Tăng do hợp nhất kinh doanh	-	614.882.142	50.809.900	-	665.692.042
Khấu hao trong năm	80.617.098	2.442.830.050	170.417.480	16.402.596	2.710.267.224
Thanh lý	-	(1.878.997.640)	-	-	(1.878.997.640)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017	811.042.276	6.965.823.146	2.174.182.733	27.337.660	9.978.385.815
Giá trị còn lại					
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2017	173.282.597	3.291.480.091	1.251.953.738	71.077.931	4.787.794.357
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017	92.665.499	2.856.465.539	1.397.263.677	103.795.335	4.450.190.050

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, tài sản cố định ("TSCĐ") hữu hình của Tập đoàn với tổng giá trị còn lại là 2.786.420.831 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2016: 1.363.273.463 đồng) đã được dùng để làm tài sản thế chấp cho các khoản vay ngắn hạn ngân hàng (Thuyết minh 19(a)).

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 là 4.650.656.233 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2016: 3.057.194.021 đồng).

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN YEAH1
(Tên trước đây là Công ty Cổ phần Tập đoàn Đại Sứ Trẻ)

Mẫu số B 09 – DN/HN

12 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH (tiếp theo)

(b) Tài sản cố định thuê tài chính

**Máy móc thiết bị
VND**

Nguyên giá

Tại ngày 1 tháng 1 năm 2017 và 31 tháng 12 năm 2017	2.833.229.210
---	---------------

Khấu hao lũy kế

Tại ngày 1 tháng 1 năm 2017	493.319.722
-----------------------------	-------------

Khấu hao trong năm	414.618.912
--------------------	-------------

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017	907.938.634
-------------------------------	-------------

Giá trị còn lại

Tại ngày 1 tháng 1 năm 2017	2.339.909.488
-----------------------------	---------------

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017	1.925.290.576
-------------------------------	---------------

(c) Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất VND	Bảng sáng chế VND	Phần mềm máy tính VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá				
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2017	4.500.000.000	2.524.382.154	41.867.000	7.066.249.154
Tăng khác	-	-	4.186.000	4.186.000
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017	4.500.000.000	2.524.382.154	46.053.000	7.070.435.154
Khấu hao lũy kế				
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2017	-	348.794.552	2.791.132	351.585.684
Khấu hao trong năm	-	60.076.872	9.419.895	69.496.767
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017	-	408.871.424	12.211.027	421.082.451
Giá trị còn lại				
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2017	4.500.000.000	2.175.587.602	39.075.868	6.714.663.470
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017	4.500.000.000	2.115.510.730	33.841.973	6.649.352.703

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN YEAH1
(Tên trước đây là Công ty Cổ phần Tập đoàn Đại Sứ Trẻ)

Mẫu số B 09 – DN/HN

13 LỢI THẾ THƯƠNG MẠI

	2017 VND	2016 VND
Số dư đầu năm	-	-
Tăng trong năm (*)	116.445.389.368	-
Phân bổ trong năm	(7.274.531.107)	-
Đánh giá lại chênh lệch tỷ giá	219.222.944	-
Số dư cuối năm	109.390.081.206	-

(*) Chi tiết lợi thế thương mại phát sinh từ hợp nhất kinh doanh trong năm và thời gian phân bổ ước tính như sau:

	Lợi thế thương mại VND	Thời gian phân bổ (Năm)
Công ty TNHH Quảng cáo Truyền thông TNT	31.342.617.941	10
Công ty YEAH1 Network Pte. Ltd	4.594.770.347	10
Công ty Cổ phần Truyền thông Trực tuyến Netlink	80.508.001.080	10
	116.445.389.368	

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN YEAH1
(Tên trước đây là Công ty Cổ phần Tập đoàn Đại Sứ Trẻ)

Mẫu số B 09 – DN/HN

14 PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	2017 VND	2016 VND
Bên thứ ba		
Công ty Coinmarket Cap LLC	38.246.813.010	-
Đài Phát thanh Truyền hình Thành phố Cần Thơ	17.658.982.721	-
Công ty Cổ phần Giải trí Sắc màu	14.833.777.265	-
Công ty TNHH Truyền hình cáp Việt Nam	9.903.277.000	7.358.231.073
Công ty Cổ phần Quảng cáo Sao Thế giới	6.097.960.718	-
Công ty Cổ phần Truyền thông Giải trí Đa phương tiện VINACJ	3.011.939.689	8.598.813.650
Công ty TNHH Một Thành Viên Long Ngọc Châu	-	18.329.280.659
Công ty TNHH Giải trí Đa phương tiện Châu Á	-	10.282.143.612
Công ty TNHH Một Thành Viên Foneviet	-	5.268.457.534
Khác	36.572.693.686	20.112.620.546
	<u>126.325.444.089</u>	<u>69.949.547.074</u>

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 và ngày 31 tháng 12 năm 2016, Tập đoàn không có khoản nợ phải trả người bán ngắn hạn nào quá hạn.

15 NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	2017 VND	2016 VND
Bên thứ ba		
Công ty TNHH Truyền thông WPP	2.770.700.000	-
Khác	3.805.114.503	2.509.662.344
	<u>6.575.814.503</u>	<u>2.509.662.344</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN YEAH1
(Tên trước đây là Công ty Cổ phần Tập đoàn Đại Sứ Trẻ)

Mẫu số B 09 – DN/HN

16 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

	2017 VND	2016 VND
Thuế giá trị gia tăng	12.279.347.308	7.283.360.663
Thuế TNDN	12.209.453.481	5.912.394.567
Thuế thu nhập cá nhân	977.750.533	1.261.149.343
Các loại thuế khác	237.250.580	-
	<u>25.703.801.902</u>	<u>14.456.904.573</u>

Biến động của thuế và các khoản phải nộp Ngân sách Nhà nước trong năm như sau:

	Tại ngày 1.1.2017 VND	Số phát sinh trong năm VND	Số đã nộp/cán trừ trong năm VND	Tại ngày 31.12.2017 VND
Thuế giá trị gia tăng	7.283.360.663	40.317.071.691	(35.321.085.046)	12.279.347.308
Thuế TNDN	5.912.394.567	14.528.122.647	(8.231.063.733)	12.209.453.481
Thuế thu nhập cá nhân	1.261.149.343	1.506.329.921	(1.789.728.731)	977.750.533
Các loại thuế khác	-	237.250.580	-	237.250.580
	<u>14.456.904.573</u>	<u>56.588.774.839</u>	<u>(45.341.877.510)</u>	<u>25.703.801.902</u>

17 CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	2017 VND	2016 VND
Chi phí lãi vay	3.992.579.771	1.540.961.599
Trích trước chi phí phát hành phim	2.657.341.354	2.587.201.318
Phân chia doanh thu từ hoạt động quảng cáo	1.177.026.996	1.805.464.722
Chi phí hợp tác kinh doanh trên kênh VTC4	442.929.739	7.796.291.200
Lương và thưởng cho nhân viên	387.870.500	1.621.048.622
Chi phí bản quyền	-	3.850.792.898
Khác	827.546.630	1.358.117.236
	<u>9.485.294.990</u>	<u>20.559.877.595</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN YEAH1
(Tên trước đây là Công ty Cổ phần Tập đoàn Đại Sứ Trẻ)

Mẫu số B 09 – DN/HN

18 PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	2017 VND	2016 VND
Bên thứ ba		
Phải trả về hợp đồng hợp tác kinh doanh (*)	5.853.801.792	26.073.765.826
Phải trả mua công ty con	33.593.301.958	-
Khác	16.460.735.006	5.860.035.844
Bên liên quan (Thuyết minh 37(b))	66.211.418	29.545.687
	<u>55.974.050.174</u>	<u>31.963.347.357</u>

- (*) Một công ty con đã ký hợp đồng hợp tác kinh doanh không thành lập pháp nhân với một số công ty, cá nhân khác để sản xuất phim. Công ty con này sẽ sử dụng vốn từ những nhà đầu tư này để tự sản xuất phim hoặc đại diện để ký hợp đồng hợp tác kinh doanh với những nhà sản xuất phim khác. Sau khi các bộ phim được công chiếu, căn cứ vào giá trị đầu tư, các bên tham gia sẽ phân chia lợi nhuận trước thuế từ việc sản xuất phim.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN YEAH1
(Tên trước đây là Công ty Cổ phần Tập đoàn Đại Sứ Trẻ)

Mẫu số B 09 – DN/HN

19 CÁC KHOẢN VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH

(a) Vay và nợ thuế tài chính ngắn hạn

	Tại ngày 1.1.2017 VND	Tăng trong năm VND	Vay dài hạn đến hạn trả VND	Trả nợ gốc VND	Tại ngày 31.12.2017 VND
Vay ngân hàng					
Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh (i)	48.604.152.609	147.640.741.506	-	(163.175.419.097)	33.069.475.018
Ngân hàng United Overseas Việt Nam (ii)	31.657.306.830	112.730.115.931	-	(110.537.422.761)	33.850.000.000
Nợ thuế tài chính dài hạn đến hạn trả (iii)	682.407.347	-	623.310.426	(755.527.788)	550.189.985
	80.943.866.786	260.370.857.437	623.310.426	(274.468.369.646)	67.469.665.003

- (i) Các khoản vay từ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh ("HDBank") - Chi nhánh Nguyễn Đình Chiểu theo Hợp đồng hạn mức tín dụng số 2679/17/HĐTDHM-DN/168 kí ngày 9 tháng 3 năm 2017, có hạn mức tín dụng là 45 tỷ đồng; Hợp đồng hạn mức tín dụng số 2678/17/HĐTDTM-DN/168 kí ngày 9 tháng 3 năm 2017, có hạn mức tín dụng là 30 tỷ đồng; Hợp đồng hạn mức tín dụng số 4275/17/HĐTDTM-PN/168 kí ngày 21 tháng 3 năm 2017, có hạn mức tín dụng là 30 tỷ đồng; và Hợp đồng tín dụng số 2680/17/HĐTDHM-DN/168 kí ngày 9 tháng 3 năm 2017, có hạn mức tín dụng là 15 tỷ đồng. Tất cả các hợp đồng tín dụng có thời hạn 12 tháng kể từ ngày kí kết hợp đồng với mục đích bổ sung nhu cầu vốn lưu động cho Tập đoàn. Các khoản vay này chịu lãi suất 8 - 12%/năm và thay đổi tùy theo từng khung ước nhận nợ dựa trên cơ sở lãi suất cho vay được HDBank công bố từng thời kỳ. Tài sản đảm bảo cho các khoản vay bao gồm: Tài sản cố định là 4 xe ô tô của Công ty; quyền chuyển đổi nợ được quy định trong Hợp đồng ký kết giữa Công ty TNHH Truyền thông WPP, Công ty Cổ phần Truyền thông Đất Việt VAC, và Công ty Cổ phần Truyền thông TK-L; bất động sản tại số 826, 828, Đường Suối Cát, Xã Thanh Tuyền, Huyện Dầu Tiếng, Tỉnh Bình Dương và hợp đồng tiền gửi tại HDBank.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN YEAH1
(Tên trước đây là Công ty Cổ phần Tập đoàn Đại Sứ Trẻ)

Mẫu số B 09 – DN/HN

19 CÁC KHOẢN VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(a) Vay và nợ thuế tài chính ngắn hạn (tiếp theo)

- (ii) Đây là khoản vay bằng đồng Việt Nam, có kỳ hạn 1 năm kể từ ngày ký kết hợp đồng với hạn mức tín dụng là 2.000.000 Đô la Mỹ và lãi suất cho vay trong kỳ là 3%/năm. Khoản vay có tài sản đảm bảo gồm: nghĩa vụ duy trì tài khoản tiền gửi của Công ty tối thiểu bằng 50% giá trị khoản vay mỗi lần giải ngân; tài sản đảm bảo bởi cá nhân với giá trị là 2.000.000 Đô la Mỹ được đảm bảo bởi Ông Nguyễn Anh Nhượng Tổng và Ông Đào Phúc Trí.
- (iii) Khoản nợ thuế tài chính thể hiện một khoản nợ tài chính từ Công ty TNHH Cho Thuê Tài Chính Quốc Tế Chailease theo Hợp đồng số B150308102, có thời hạn 36 tháng kể từ ngày 14 tháng 10 năm 2016. Khoản nợ tài chính chịu lãi suất 10%/năm và được thanh toán hàng tháng. Sau khi kết thúc thời gian thuế, Công ty có quyền mua lại tài sản thuế với giá mua bằng giá trị còn lại.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN YEAH1
(Tên trước đây là Công ty Cổ phần Tập đoàn Đại Sứ Trẻ)

Mẫu số B 09 – DN/HN

19 CÁC KHOẢN VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(b) Vay và nợ thuế tài chính dài hạn

	Tại ngày 1.1.2017 VND	Tăng trong năm VND	Vay dài hạn đến hạn trả VND	Trả nợ gốc VND	Giảm khác VND	Tại ngày 31.12.2017 VND
Vay ngân hàng						
Ngân hàng TMCP Phát triển	-	30.000.000.000	-	-	-	30.000.000.000
Thành phố Hồ Chí Minh (iv)	-	113.780.000.000	-	-	(113.780.000.000)	-
Trái phiếu chuyển đổi (v)	24.883.000.000	-	-	(24.883.000.000)	-	-
Trái phiếu phát hành	623.310.426	-	(623.310.426)	-	-	-
Thuế tài chính	(1.485.000.000)	-	-	1.485.000.000	-	-
Chi phí phát hành trái phiếu						
	24.021.310.426	143.780.000.000	(623.310.426)	(23.398.000.000)	(113.780.000.000)	30.000.000.000

- (iv) Khoản vay từ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh ("HDBank") - Chi nhánh Đồng Nai theo Hợp đồng vay dài hạn số 9908/16/HĐTĐTDH-DN/140/ĐNGN-KUNN/DN/01 kí ngày 16 tháng 1 năm 2017, có hạn mức tín dụng là 30 tỷ đồng với thời hạn vay là 36 tháng kể từ ngày ký hợp đồng nhằm mục đích bổ sung vốn tham gia hợp tác cùng Công ty Cổ phần Dịch vụ Thương mại Việt Nam Trục Tuyến ("VNO") để triển khai dự án Webmoney Việt Nam. Khoản vay này chịu lãi suất cố 9,3%/năm và thay đổi 3 tháng/lần. Tài sản đảm bảo cho khoản vay này là Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn của VNO.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN YEAH1
(Tên trước đây là Công ty Cổ phần Tập đoàn Đại Sứ Trẻ)

Mẫu số B 09 – DN/HN

19 CÁC KHOẢN VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(b) Vay và nợ thuê tài chính dài hạn (tiếp theo)

- (v) Trong năm, Công ty đã phát hành 113.780 trái phiếu chuyển đổi có mệnh giá là 1 triệu đồng/trái phiếu và được trả lãi suất 7%/năm. Vào ngày 31 tháng 12 năm 2017, trái phiếu chuyển đổi được mua lại với giá bằng với mệnh giá theo thỏa thuận với trái chủ, bao gồm 68.668.000.000 đồng của Công ty Ancla Asset Limited và 45.512.000.000 đồng của 6 cổ đông lớn của Công ty.

Biến động về trái phiếu chuyển đổi trong năm như sau:

	2017 VND	2016 VND
Số dư đầu năm	-	-
Tăng do phát hành	113.780.000.000	-
Mua lại	(113.780.000.000)	-
Số dư cuối năm	-	-

20 TÀI SẢN THUẾ THU NHẬP HOẢN LẠI

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Tập đoàn có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải trả và khi thuế thu nhập hoãn lại có liên quan đến cùng một cơ quan thuế. Chi tiết của tài sản thuế thu nhập hoãn lại như sau:

	2017 VND	2016 VND
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại:		
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thu hồi trong vòng 12 tháng	806.924.582	164.446.849

Biến động của tài sản thuế thu nhập hoãn lại trong năm như sau:

	2017 VND	2016 VND
Số dư đầu năm	164.446.849	190.158.407
Ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất (Thuyết minh 33)	642.477.733	(25.711.558)
Số dư cuối năm	806.924.582	164.446.849

Tài sản thuế TNDN hoãn lại chủ yếu phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời do việc trích lập dự phòng và các khoản chi phí trả trước.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN YEAH1
(Tên trước đây là Công ty Cổ phần Tập đoàn Đại Sứ Trẻ)

Mẫu số B 09 – DN/HN

21 VỐN CHỦ SỞ HỮU

(a) Số lượng cổ phiếu

	2017	2016
	Cổ phiếu phổ thông	Cổ phiếu phổ thông
Số lượng cổ phiếu đăng ký	23.800.000	10.000.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	23.800.000	10.000.000
Số lượng cổ phiếu đã mua lại	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	23.800.000	10.000.000

(b) Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	31.12.2017		31.12.2016	
	Cổ phiếu phổ thông	%	Cổ phiếu phổ thông	%
Ông Nguyễn Ảnh Nhượng Tống	9.853.399	41,40	5.052.017	50,52
DFJ VinaCapital Venture Investment Ltd.	8.499.637	35,71	4.016.824	40,17
Ancla Assets Ltd	2.973.260	12,49	-	-
Ông Đào Phúc Trí	1.039.498	4,37	529.908	5,30
Cổ đông khác	1.434.206	6,03	401.251	4,01
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	23.800.000	100,00	10.000.000	100,00

(c) Tình hình biến động của vốn cổ phần

	Số cổ phiếu	Cổ phiếu phổ thông VND	Tổng cộng VND
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2016	9.750.000	97.500.000.000	97.500.000.000
Cổ phiếu mới phát hành	250.000	2.500.000.000	2.500.000.000
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016	10.000.000	100.000.000.000	100.000.000.000
Cổ phiếu mới phát hành	13.800.000	138.000.000.000	138.000.000.000
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017	23.800.000	238.000.000.000	238.000.000.000

Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 đồng trên một cổ phiếu.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN YEAH1
(Tên trước đây là Công ty Cổ phần Tập đoàn Đại Sứ Trẻ)

Mẫu số B 09 – DN/HN

22 TÌNH HÌNH TĂNG GIẢM NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU

	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Cổ phiếu quỹ VND	Chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa phân phối VND	Lợi nhuận sau thuế VND	Tổng cộng VND
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2016	97.500.000.000	115.560.000	(4.380.000.000)	-	1.436.952.895	94.672.512.895
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	16.144.938.220	16.144.938.220
Tăng vốn trong năm	2.500.000.000	-	-	-	(2.500.000.000)	-
Mua cổ phiếu quỹ	-	-	(5.242.217.851)	-	-	(5.242.217.851)
Tái phát hành cổ phiếu quỹ	-	-	9.622.217.851	-	(9.622.217.851)	-
Chia cổ tức	-	-	-	-	(4.000.000.000)	(4.000.000.000)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016	100.000.000.000	115.560.000	-	-	1.459.673.264	101.575.233.264
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	58.871.715.378	58.871.715.378
Chia cổ tức bằng cổ phiếu (i)	18.220.000.000	-	-	-	(18.220.000.000)	-
Phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu (ii)	113.780.000.000	-	-	-	-	113.780.000.000
Phát hành cổ phiếu cho nhân viên (iii)	6.000.000.000	24.000.000.000	-	-	-	30.000.000.000
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	-	-	-	304.613.369	-	304.613.369
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017	238.000.000.000	24.115.560.000	-	304.613.369	42.111.388.642	304.531.562.011

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN YEAH1
(Tên trước đây là Công ty Cổ phần Tập đoàn Đại Sứ Trẻ)

Mẫu số B 09 – DN/HN

22 TÌNH HÌNH TĂNG GIẢM NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

- (i) Theo Nghị quyết số 2017A.2017/YEG/NQ và Nghị quyết số 2017C.2017/YEG/NQ của Đại hội đồng Cổ đông quyết định tăng vốn điều lệ Công ty từ nguồn lợi nhuận chưa phân phối của các năm 2016 và 2017.
- (ii) Theo Nghị quyết số 2017A.2017/YEG/NQ của Đại hội đồng Cổ đông quyết định tăng vốn điều lệ Công ty bằng việc phát hành 11.378.000 cổ phần phổ thông với mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần cho cổ đông hiện hữu theo số lượng thỏa thuận giữa các cổ đông.
- (iii) Theo Nghị quyết số 2017A.2017/YEG/NQ của Đại hội đồng Cổ đông quyết định tăng vốn điều lệ Công ty bằng việc phát hành 600.000 cổ phần phổ thông với mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần với giá phát hành là 50.000 đồng/cổ phần cho cán bộ công nhân viên và đối tác chiến lược.

23 LỢI ÍCH CỔ ĐÔNG KHÔNG KIỂM SOÁT

Biến động về lợi ích cổ đông không kiểm soát trong năm như sau:

	2017 VND	2016 VND
Số dư đầu năm	8.064.598.113	6.593.127.115
Tăng do hợp nhất kinh doanh	2.644.794.136	-
Lợi nhuận/(lỗ) thuần phân bổ cho cổ đông không kiểm soát trong năm	23.407.416.831	(18.210.224)
Cổ đông không kiểm soát góp thêm vốn	3.600.000.000	2.900.000.000
Cổ đông không kiểm soát rút vốn	-	(795.832.834)
Cổ tức đã trả trong năm	(9.468.372.049)	(614.485.944)
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	10.446.192	-
Số dư cuối năm	28.258.883.223	8.064.598.113

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN YEAH1
(Tên trước đây là Công ty Cổ phần Tập đoàn Đại Sứ Trẻ)

Mẫu số B 09 – DN/HN

24 LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng hiệu của số lợi nhuận thuần phân bổ cho các cổ đông và số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi chia cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm, không bao gồm các cổ phiếu phổ thông được Công ty mua lại và giữ làm cổ phiếu quỹ:

	2017	2016
Lợi nhuận thuần phân bổ cho các cổ đông (VND)	58.871.715.378	16.144.938.220
Bình quân số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành (cổ phiếu)	10.864.548	11.300.383
Lãi cơ bản trên mỗi cổ phiếu (VND)	5.419	1.429

Lãi suy giảm trên cổ phiếu: Công ty không có cổ phiếu tiềm năng có tác động suy giảm lãi trên cổ phiếu đến ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này.

25 CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

(a) Ngoại tệ các loại

Khoản mục tiền và các khoản tương đương tiền đã bao gồm số ngoại tệ 56.316 Đô la Mỹ, 221.030 Đô la Singapore và 54 chỉ vàng (2016: 3 Đô la Mỹ và 54 chỉ vàng).

(b) Cam kết thuê hoạt động

Mức thanh toán tối thiểu Tập đoàn phải trả trong tương lai cho các hợp đồng thuê hoạt động không hủy ngang tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 là 233.593.397.539 đồng (2016: 109.565.569.701 đồng). Chi tiết các khoản thanh toán được trình bày tại Thuyết minh 38.

(c) Cam kết góp vốn

Mức cam kết vốn Tập đoàn phải góp trong tương lai cho các hợp đồng hợp tác kinh doanh đã ký tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 là 43.116.703.751 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2016: 1.509.207.865 đồng). Chi tiết các khoản cam kết góp vốn được trình bày tại Thuyết minh 39.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN YEAH1
(Tên trước đây là Công ty Cổ phần Tập đoàn Đại Sứ Trẻ)

Mẫu số B 09 – DN/HN

26 DOANH THU THUẦN VỀ BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	2017 VND	2016 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		
Doanh thu quảng cáo	371.671.695.120	343.896.801.615
Doanh thu từ chương trình phát trên hạ tầng kỹ thuật số	293.016.261.536	196.839.594.461
Doanh thu bán chương trình	105.265.002.553	13.714.285.716
Doanh thu từ bản quyền phim	39.698.299.191	3.998.219.013
Doanh thu cung cấp dịch vụ	13.419.234.239	8.205.830.615
Doanh thu cho thuê mặt bằng	347.181.821	301.295.454
Doanh thu khác	28.143.989.241	6.702.613.725
	<u>851.561.663.701</u>	<u>573.658.640.599</u>
 Các khoản giảm trừ doanh thu		
Chiếu khấu thương mại	(11.211.754.284)	(11.002.647.373)
 Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ		
Doanh thu thuần từ quảng cáo	360.459.940.836	332.894.154.242
Doanh thu thuần từ chương trình phát trên hạ tầng kỹ thuật số	293.016.261.536	196.839.594.461
Doanh thu thuần từ bán chương trình	105.265.002.553	13.714.285.716
Doanh thu thuần từ bản quyền phim	39.698.299.191	3.998.219.013
Doanh thu thuần từ cung cấp dịch vụ	13.419.234.239	8.205.830.615
Doanh thu thuần từ cho thuê mặt bằng	347.181.821	301.295.454
Doanh thu thuần khác	28.143.989.241	6.702.613.725
	<u>840.349.909.417</u>	<u>562.655.993.226</u>

27 GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	2017 VND	2016 VND
Chi phí sản xuất chương trình	439.743.802.584	304.079.813.043
Chi phí cho thuê kênh	88.765.690.906	10.661.598.487
Chi phí tiếp sóng	25.226.439.392	49.010.747.094
Chi phí làm phim	8.151.038.997	4.846.545.456
Chi phí bản quyền phim	6.682.693.594	25.352.173.202
Chi phí đo lường lượt xem	6.345.000.000	6.023.999.999
Chi phí khác	18.469.226.223	8.329.404.728
	<u>593.383.891.696</u>	<u>408.304.282.009</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN YEAH1
(Tên trước đây là Công ty Cổ phần Tập đoàn Đại Sứ Trẻ)

Mẫu số B 09 – DN/HN

28 DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	2017 VND	2016 VND
Lãi tiền gửi	9.528.104.975	2.158.810.216
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái đã thực hiện	98.234.058	-
Thu nhập từ các khoản đầu tư	-	2.568.750.000
Doanh thu hoạt động tài chính khác	2.145.651	-
	<u>9.628.484.684</u>	<u>4.727.560.216</u>

29 CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	2017 VND	2016 VND
Chi phí lãi vay ngân hàng	16.115.626.007	12.589.018.312
Chiết khấu thanh toán	1.810.016.118	4.380.402.267
Chi phí nợ thuê tài chính	68.240.735	191.608.245
Lỗ thuần do đánh giá lại các khoản có gốc ngoại tệ cuối năm	1.514.914	-
Chi phí tài chính khác	3.010.517.939	-
	<u>21.005.915.713</u>	<u>17.161.028.824</u>

30 CHI PHÍ BÁN HÀNG

	2017 VND	2016 VND
Chi phí khảo sát thị trường	26.625.452.217	36.246.285.742
Chi phí lương	13.236.520.283	7.526.387.491
Chi phí dịch vụ mua ngoài	9.581.761.562	6.653.143.261
Chi phí khấu hao tài sản cố định	338.266.832	456.652.445
Khác	2.952.971.512	3.166.610.491
	<u>52.734.972.406</u>	<u>54.049.079.430</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN YEAH1
(Tên trước đây là Công ty Cổ phần Tập đoàn Đại Sứ Trẻ)

Mẫu số B 09 – DN/HN

31 CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	2017 VND	2016 VND
Chi phí nhân công	35.183.659.072	25.304.870.681
Chi phí dịch vụ mua ngoài	33.102.763.801	20.900.756.339
Phân bổ lợi thế thương mại (Thuyết minh 13)	7.274.531.107	-
Phân bổ chi phí trả trước	4.310.226.574	5.648.115.182
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.266.032.979	1.786.258.201
Chi phí bằng tiền khác	3.458.844.152	9.526.437.748
	<u>85.596.057.685</u>	<u>63.166.438.151</u>

32 THU NHẬP VÀ CHI PHÍ KHÁC

	2017 VND	2016 VND
Thu nhập khác		
Lãi từ thanh lý tài sản	8.747.640	23.982.275
Khác	4.300.560	200.943.635
	<u>13.048.200</u>	<u>224.925.910</u>
Chi phí khác		
Lỗ do thanh lý tài sản	-	(1.892.045.447)
Phạt do vi phạm	(201.271.349)	(461.454.755)
Khác	(904.556.329)	(464.504.442)
	<u>(1.105.827.678)</u>	<u>(2.818.004.644)</u>
Lỗ khác	<u>(1.092.779.478)</u>	<u>(2.593.078.734)</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN YEAH1
(Tên trước đây là Công ty Cổ phần Tập đoàn Đại Sứ Trẻ)

Mẫu số B 09 – DN/HN

33 THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Số thuế trên lợi nhuận kế toán trước thuế của Tập đoàn khác với số thuế khi được tính theo thuế suất áp dụng 20% và được thể hiện như sau:

	2017 VND	2016 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	96.164.777.123	22.109.646.294
Thuế tính ở thuế suất 20%	19.232.955.425	7.392.404.174
Điều chỉnh:		
Thu nhập không chịu thuế	(3.771.939.813)	(1.716.416.042)
Chi phí không được khấu trừ	1.564.360.898	219.818.784
Lỗi tính thuế đã được sử dụng	(1.306.800.461)	-
Chênh lệch tạm thời mà không ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại	(990.684.078)	-
Ưu đãi thuế	(1.009.879.829)	-
Lỗi tính thuế mà không ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại	167.632.772	-
Dự phòng thiếu của năm trước	-	87.111.382
Chi phí thuế TNDN (*)	13.885.644.914	5.982.918.298
Chi phí thuế TNDN ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất:		
Thuế TNDN - hiện hành	14.528.122.647	5.957.206.740
Thuế TNDN - hoãn lại	(642.477.733)	25.711.558
Chi phí thuế TNDN (*)	13.885.644.914	5.982.918.298

(*) Chi phí thuế TNDN cho năm tài chính được ước tính dựa vào thu nhập chịu thuế và có thể có những điều chỉnh tùy thuộc vào sự kiểm tra của cơ quan thuế.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN YEAH1
(Tên trước đây là Công ty Cổ phần Tập đoàn Đại Sứ Trẻ)

Mẫu số B 09 – DN/HN

34 CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	2017	2016
	VND	VND
Chi phí nguyên vật liệu	601.540.117.690	404.052.957.763
Chi phí dịch vụ mua ngoài	67.565.567.250	80.806.149.542
Chi phí nhân công	48.420.179.355	32.831.258.172
Chi phí phân bổ lợi thế thương mại	7.274.531.107	-
Chi phí phân bổ công cụ	4.310.226.574	5.654.329.622
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.604.299.811	2.175.104.491
	<u>731.714.921.787</u>	<u>525.519.799.590</u>

TẬP ĐOÀN YEAH1

NG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN YEAH1
trước đây là Công ty Cổ phần Tập đoàn Đại Sứ Trẻ)

Mẫu số B 09 – DN/HN

BÁO CÁO BỘ PHẬN

Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Doanh thu, giá vốn theo lĩnh vực kinh doanh chính của Tập đoàn như sau:

	2017						2016						
	Quảng cáo VND	Chương trình phát trên hạ tầng kỹ thuật số VND	Bán chương trình VND	Bản quyền phim VND	Khác VND	Tổng cộng VND		Quảng cáo VND	Chương trình phát trên hạ tầng kỹ thuật số VND	Bán chương trình VND	Bản quyền phim VND	Khác VND	Tổng cộng VND
Doanh thu thuần Giá vốn	360.459.940.836 (284.301.927.315)	293.016.261.536 (187.013.314.661)	105.265.002.553 (88.765.690.906)	39.698.299.191 (14.833.732.591)	41.910.405.301 (18.469.226.223)	840.349.909.417 (593.383.891.696)		332.894.154.242 (227.116.382.092)	196.839.594.461 (153.578.191.246)	13.714.285.716 (10.661.598.487)	3.998.219.013 (7.702.652.468)	15.209.739.794 (9.245.457.716)	562.655.993.226 (408.304.282.009)
Lợi nhuận gộp	<u>76.158.013.521</u>	<u>106.002.946.875</u>	<u>16.499.311.647</u>	<u>24.864.566.600</u>	<u>23.441.179.078</u>	<u>246.966.017.721</u>		<u>105.777.772.150</u>	<u>43.261.403.215</u>	<u>3.052.687.229</u>	<u>(3.704.433.455)</u>	<u>5.964.282.078</u>	<u>154.351.711.217</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN YEAH1
(Tên trước đây là Công ty Cổ phần Tập đoàn Đại Sứ Trẻ)

Mẫu số B 09 – DN/HN

35 BẢO CÁO BỘ PHẬN (tiếp theo)

(b) Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý

Doanh thu, giá vốn bộ phận dựa vào vị trí địa lý của Tập đoàn như sau:

	2017		
	Trong nước VND	Nước ngoài VND	Tổng cộng VND
Doanh thu thuần	605.929.431.806	234.420.477.611	840.349.909.417
Giá vốn	(380.741.285.344)	(212.642.606.352)	(593.383.891.696)
	<u>225.188.146.462</u>	<u>21.777.871.259</u>	<u>246.966.017.721</u>
	2016		
	Trong nước VND	Nước ngoài VND	Tổng cộng VND
Doanh thu thuần	562.655.993.226	-	562.655.993.226
Giá vốn	(408.304.282.009)	-	(408.304.282.009)
	<u>154.351.711.217</u>	<u>-</u>	<u>154.351.711.217</u>

Thị trường nước ngoài chủ yếu của Tập đoàn là Singapore.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN YEAH1
(Tên trước đây là Công ty Cổ phần Tập đoàn Đại Sứ Trè)

Mẫu số B 09 – DN/HN

36 BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(a) Các giao dịch không bằng tiền

	2017	2016
	VND	VND
Chuyển từ vay dài hạn sang vay ngắn hạn	623.310.426	698.863.203
Mua công ty con bằng khoản phải trả	33.593.301.959	-
Tăng vốn	132.000.000.000	-
	<u><u> </u></u>	<u><u> </u></u>

(b) Số tiền đi vay thực thu trong năm

	2017	2016
	VND	VND
Vay theo kế ước thông thường	404.150.857.437	272.521.982.403
	<u><u> </u></u>	<u><u> </u></u>

(c) Số tiền đã thực trả gốc vay trong năm

	2017	2016
	VND	VND
Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	273.712.841.858	266.233.320.673
Tiền trả nợ gốc trái phiếu thường	23.398.000.000	73.374.500.000
Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	755.527.788	755.527.785
	<u><u> </u></u>	<u><u> </u></u>

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN YEAH1
(Tên trước đây là Công ty Cổ phần Tập đoàn Đại Sứ Trè)

Mẫu số B 09 – DN/HN

37 THUYẾT MINH VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong năm, Tập đoàn có giao dịch và số dư với các bên liên quan như sau:

Mối quan hệ	Tên
Chủ tịch HĐQT	Ông Nguyễn Ảnh Nhượng Tổng
Tổng Giám đốc, thành viên HĐQT	Ông Đào Phúc Trí
Phó Tổng Giám đốc tài chính	Ông Võ Thái Phong
Công ty chịu sự kiểm soát của thành viên Ban Giám đốc	Công ty Cổ phần Dịch vụ Thương mại Việt Nam
Cổ đông lớn	Trực tuyến
	Công ty DFJ Vinacapital Venture Investment Ltd.

(a) Giao dịch với các bên liên quan

Trong năm, các giao dịch chính yếu sau đây được thực hiện với các bên liên quan:

	2017 VND	2016 VND
i) Doanh thu cung cấp dịch vụ		
Công ty Cổ phần Dịch vụ Thương mại Việt Nam Trực tuyến	347.181.821	301.295.454
ii) Mua dịch vụ		
Công ty Cổ phần Dịch vụ Thương mại Việt Nam Trực tuyến	1.323.179.302	-
iii) Các khoản chi cho các nhân sự quản lý chủ chốt		
Lương và các quyền lợi gộp khác	4.918.886.802	824.168.000
iv) Trả cổ tức		
Ông Võ Thái Phong	6.752.840	-
Công ty DFJ Vinacapital Venture Investment Ltd.	-	1.671.046.504
v) Cho mượn		
Công ty Cổ phần Dịch vụ Thương mại Việt Nam Trực tuyến	24.443.386.194	8.657.982.782
vi) Cho vay		
Ông Võ Thái Phong	35.864.555.647	-

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN YEAH1
(Tên trước đây là Công ty Cổ phần Tập đoàn Đại Sứ Trẻ)

Mẫu số B 09 – DN/HN

37 THUYẾT MINH VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

(b) Số dư cuối năm với các bên liên quan

	2017 VND	2016 VND
(i) Phải thu ngắn hạn của khách hàng (Thuyết minh 6)		
Công ty Cổ phần Dịch vụ Thương mại Việt Nam Trực tuyến	704.645.457	331.425.000
(ii) Phải thu ngắn hạn khác (Thuyết minh 8(a))		
Ông Võ Thái Phong	7.135.444.353	7.214.456.098
Công ty Cổ phần Dịch vụ Thương mại Việt Nam Trực tuyến	-	11.445.918.526
Ông Nguyễn Ảnh Nhượng Tổng	-	5.038.745.099
	7.135.444.353	23.699.119.723
(iii) Phải thu dài hạn khác (Thuyết minh 8(b))		
Công ty Cổ phần Dịch vụ Thương mại Việt Nam Trực tuyến	8.000.000.000	-
Ông Võ Thái Phong	4.176.712.328	-
	12.176.712.328	-
(iv) Phải thu về cho vay dài hạn (Thuyết minh 11)		
Ông Võ Thái Phong	35.864.555.647	-
(v) Phải trả ngắn hạn khác (Thuyết minh 18)		
Ông Võ Thái Phong	38.356.663	16.953.927
Ông Nguyễn Ảnh Nhượng Tổng	27.854.755	12.591.760
	66.211.418	29.545.687

CAM KẾT THUẾ HOẠT ĐỘNG

Các hợp đồng thuế hoạt động không hủy ngang, Tập đoàn phải trả mức tối thiểu trong tương lai như sau:

	Thuế văn phòng		Thuế kênh truyền hình		Tổng cộng	
	2017 VND	2016 VND	2017 VND	2016 VND	2017 VND	2016 VND
Dưới 1 năm	45.359.531.553	4.166.441.333	24.200.000.000	20.408.666.667	69.559.531.553	24.575.108.000
Từ 1 đến 5 năm	157.983.865.986	42.301.278.667	6.050.000.000	42.689.183.034	164.033.865.986	84.990.461.701
Tổng cộng các khoản thanh toán tối thiểu	203.343.397.539	46.467.720.000	30.250.000.000	63.097.849.701	233.593.397.539	109.565.569.701

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN YEAH1
(Tên trước đây là Công ty Cổ phần Tập đoàn Đại Sứ Trẻ)

Mẫu số B 09 – DN/HN

39 CAM KẾT GÓP VỐN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, căn cứ vào các hợp đồng hợp tác kinh doanh đã ký, Công ty còn phải góp số tiền đầu tư với tổng giá trị như chi tiết bên dưới:

2017
VND

Công ty Cổ phần NVU	18.450.830.000
Công ty Cổ phần Phát triển Thương hiệu YEAH1	12.665.873.751
Springme Corporation	9.900.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư và Sản xuất Phim YEAH1	1.600.000.000
Công ty Cổ phần Góp Vốn	500.000.000
	43.116.703.751

2017
VND

Dưới 1 năm	43.116.703.751

40 SỐ LIỆU SO SÁNH

Một vài số liệu so sánh đã được trình bày lại cho phù hợp với cách trình bày của năm nay.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN YEAH1
(Tên trước đây là Công ty Cổ phần Tập đoàn Đại Sứ Trẻ)

Mẫu số B 09 – DN/HN

41 CÁC SỰ KIỆN SAU NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM

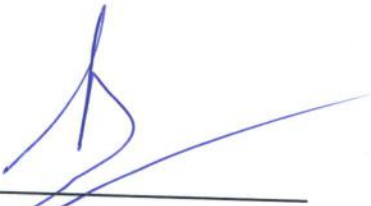
(a) Nhận chuyển nhượng nhóm Công ty Cổ phần ADSBNC và Công ty Cổ phần Công nghệ và Dược phẩm Trí Tâm

Trong tháng 1 năm 2018, Chủ tịch HĐQT đã thông qua quyết định mua lại 51% vốn điều lệ của nhóm Công ty Cổ phần ADSBNC và Công ty Cổ phần Công Nghệ và Dược Phẩm Trí Tâm. Tại ngày phê duyệt báo cáo tài chính hợp nhất này, thủ tục chuyển nhượng cổ phần vẫn đang được tiến hành.

(b) Nhận chuyển nhượng thêm 25% vốn cổ phần của Netlink Việt Nam

Trong tháng 1 năm 2018, Chủ tịch HĐQT đã thông qua quyết định mua thêm 25% vốn điều lệ của Netlink Việt Nam, nâng tỷ lệ quyền sở hữu và biểu quyết tại công ty này từ 51% lên 76%. Giá chuyển nhượng phụ thuộc vào kết quả hoạt động kinh doanh năm 2017 đã được kiểm toán của Netlink Việt Nam. Tại ngày phê duyệt báo cáo tài chính hợp nhất này, Công ty đã trả trước tiền cọc với số tiền 20 tỷ đồng cho cổ đông của Netlink Việt Nam, thủ tục chuyển nhượng cổ phần vẫn đang được tiến hành.

Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn đã được Chủ tịch Hội đồng Quản trị phê duyệt ngày 9 tháng 4 năm 2018.


Trần Thị Lào
Kế toán trưởng/Người lập


Võ Thái Phong
Giám đốc Tài chính


Nguyễn Anh Nhượng Tổng
Chủ tịch HĐQT

